

TRINH NHẬT

$\frac{VU}{KC}$
 $\frac{67}{67}$

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

và cuộc khởi nghĩa
Thái-nguyên 1917



TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT

Từ nhà kho Quán Ven Đường

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH NHẤT

**LU'ÔNG
NGỌC QUYẾN**

VÀ CUỘC KHỞI-NGHĨA THÁI-NGUYÊN 1.917



TỬ SÁCH

<NHỮNG MẢNH GƯƠNG>
TÂN VIỆT

TRUY-ĐIỀU TẤT CẢ
ANH-HÙNG LIỆT-SĨ
ĐÃ CHẾT VÌ NƯỚC
TỪ 1.861 ĐẾN 1.945.

NGƯỜI HỌC-SINH ĐÔNG-DU THỨ NHẤT

Mùa thu năm ất-tỵ (1.905) Phan Sào Nam tiên-sinh từ hải-ngoại lên về được vài ba tháng phải lật đật xuống tàu xuất dương ngay ; vì một-thăm đã dò biết hành-tạng, từ phía bủa lưới tập-nữ rất ngặt. Lúc ấy nếu không có Lý Tuệ, người bồi tàu nghĩa-hiệp, tìm cách giúp cho tiên-sinh vừa kịp thoát hiểm thì nhà cách-mệnh đại danh đã phải dứt tay vào cưa-xích hai chục năm sớm hơn, và cái biệt-hiệu Sào Nam lưng-lấy đã không chiếm được những trang đầu lịch-sử hải-ngoại vận-động.

Tháng mười tàu đến Hoành-tân, nhà chí-sĩ ta lên bờ, lại tìm đến khách-sạn quen chuyển trước đã từng ở trọ.

Họ Phan sửng-sốt khi chủ-nhân niềm-nở đón tiếp và kể chuyện cho tiên-sinh biết rằng một người thiếu-niên Việt-nam, ra dáng học-sinh, vừa mới đến đây mấy hôm trọ-trại một mình, hiện đang trọ ở khách-sạn này. Thiếu-niên dò-hỏi tin-tức và hành-chỉ của tiên-sinh một cách khẩn-khoãn sốt ruột,

đường như mong-mỏi họp mặt tiên-sinh càng sớm càng hay.

Phan nghe chuyện không khỏi sửng-sốt, vì rằng lúc bấy giờ gọi là dấu chừa người Việt-nam in trên mặt đất Phù-tang, ngoài Tăng Bạt Hổ thì đến mình và Đặng Tử Kính là bọn Đông-độ (vượt bể sang Đông) đầu tiên, trong nước chưa thấy có bạn trai-trẻ nào chịu xông-pha sang Nhật. Chàng thiếu-niên nào đây hẳn là tiên-phong; tự-nhiên cảm-trưởng chớp-nhoáng của tiên-sinh là sự kinh-ngạc; nhất là nghe nói người đồng-bào nhỏ tuổi ấy một mình một bóng mà dám mạo-hiểm bỏ nước nhà đi đến một nước khác với mình xa lạ đủ cả mọi bề.

Sự kinh-ngạc trong trí Phan còn tăng thêm độ-lượng khi thấy người chủ khách-sạn tươi-cười mà nói:

— Hơn nữa, tôi nhận thấy vị thiếu-niên qui quốc can-dảm đến nỗi một mình trốn sang tôi đây, không có hành-lý gì khác hơn bộ áo cũ-kỹ đang mặc trong người, và xem chừng tiền-bạc hộ thân cũng chẳng còn thì phải.

Cảm-dộng, Phan khẽ thở dài, không quên nắm lấy cơ-hội để khoa-trương chung cả bạn trẻ nước nhà, đồng thời tìm chỗ bênh-vực cái hành-động quá mạo-hiểm của vị thiếu-niên kia, mặc dầu trong giây-phút ấy chưa biết là ai?

— Ông nghĩ xem: thanh-niên nước tôi đau lòng vì nỗi vong-quốc, sốt ruột về việc khôi-phục giang-sơn, thì phỏng còn có sự mạo-hiểm nào mà chẳng dám làm?

— Vâng, tôi cũng nghĩ thế! người chủ khách-sạn

nắm lấy tay Phan với vẻ ân-cần thành-thực. Tôi thấy người can-dảm đáng quý, lại nghe nói biết tiên-sinh, cho nên rất sẵn lòng để chàng trú-ngụ ở đây, không có một điều gì quản-ngại,

Phan ngỏ lời cảm-tạ ông chủ trọ đã lấy hiệp-nghĩa xử với một đồng-bào ta như thế.

Vừa-vặn lúc thiếu-niên lưỡng-thững từ ngoài cổng tiến vào hai mắt say sưa dán trên tờ « Tân-dân từng bản » (của Lương Khải Siêu xuất-bản tại Hoàn-tân) mới mua ở ngoài phố và mua với mấy đồng xu sau chót còn dính túi.

Chủ trọ vỗ vai Phan, trở tay và nói:

— May-mắn chưa? Vị thiếu-niên đồng hương của tiên-sinh đi du-lãm đã về đấy!

Thiếu-niên đến gần, Phan vui mừng reo lên. Thấy Phan, thiếu-niên cũng thế, thêm sự kính-cần đối với bậc danh-sĩ, với nhà cách-mệnh tiên-phong.

Ồ tưởng ai lạ-lùng? Thiếu-niên tức là Lương-quân Lập Nham, con cụ cử Ôu-Như Lương văn Can, một danh-vọng to-tát trong giới cách-mệnh ở Thăng-long, phẩm văn-thân chí-sĩ trong nước đã hoạt-động chống thực-dân không ai không biết tiếng. Mấy năm trước khi xuất dương, Sào Nam tiên-sinh thường ra Bắc-hà, cốt tìm những bạn thanh-khí đồng tâm, có thể cùng nhau bàn-bạc đại sự. Không một chuyến nào ông Giải Phan xử Nghệ khét tiếng hay chữ, lại quên ghé thăm cụ cử Lương ở phố hàng Đào; cũng như không một chuyến nào quên sang Bắc-ninh tìm ông cử Nội Duệ hay là xuống Nam-định, lần mò vào nhà cụ đốc Định Trạch để

mật hội với ông Mai Sơn Nguyễn thượng Hiền lúc ấy tuy đang ngồi ghế đốc-học Nam-định rồi dời vào Ninh-bình, nhưng đã lập tâm chí đợi cơ-hội là treo ấn từ quan ra ngoài hoạt-động cứu quốc.

Phan đem lòng kính-mộ ngay buổi hội-diện đầu tiên, vì nhận thấy cả nhà cụ cử Ôn Như, từ cha đến con đều thiết-tha yêu nước và hết sức hăng-hái về việc cách-mệnh, không sợ tổn tiền, không ngại đồ máu. Cụ xuất tiền hàng nghìn hàng vạn (vì nhà vốn giàu) để tiếp-tế phong-trào văn thân; ba người con trai lớn là Trúc Đàm (đỗ cử-nhân), Lân Nham và Nghị Khanh (đỗ tú-tài) cùng hăng-hái sẵn-sở về các cuộc vận-động chống thực-dân, dành lại chủ quyền độc-lập cho tổ-quốc.

Bởi thế, đến lúc tầm con mắt có thể nhìn rõ diện-mục một người, Phan nhận ngay ra thiếu-niên không phải ai xa lạ, chính là Lương-quân Lập Nham; thời thì tay bắt mặt mừng, tình-tử gặp nhau ở chốn tha hương thật là khó tả. Thử thời số người Việt-nam hôn-tâu sang Nhật còn là một số rất hiếm-hoi, huống chi một bạn trẻ đánh liều vượt biển với hai bàn tay trắng chỉ vì bầu máu giết thù cứu nước sôi lên sùng-sục.

Với vọng nói kiên-quyết rắn-rỏi, xứng đáng bỏ cảm vương và cặp mắt sáng quắc, hai đầu tổ nghị-lục giàu hơn người, ông Lương Lập Nham kẻ tócmắt tình-cảnh mình Đông-độ trải bao nguy-hiểm gian-nan mà ông đánh liều vượt được, chỉ có lập chí tha-thiết là mong đem cánh tay và giọt máu đóng góp vào công-cuộc hoạt-động cứu-quốc của các bậc đàn anh, hầu giải-thoát cho nước nhà khỏi

xiềng-xích nô-lệ. Những sở-vọng cấp-bách rung-động trong óc thanh-niên lúc này là sự cầu học; trước hết là binh-học tân-thời mà Tổ-quốc đang cần-dùng. Bấy lâu ta kém thua quân thù môn học ấy, không trách phải vấp ngã từ thất-bại nọ đến thất-bại kia.

Đó là câu chuyện, một buổi sáng mùa xuân năm 1.932, ngồi trước ấm trà liên-tâm ngào-ngọt trong tòa nhà lá, bên giốc Nam-giao, Phan tiên-sinh vui-vẻ thuật cho chúng tôi nghe, đáp lại câu chúng tôi hỏi một vài kỷ-niệm ban đầu giữa tiên-sinh và người anh-hùng khởi-nghĩa Thái-nguyên.

Tiên-sinh kết-thúc rằng: còn nhớ hồi bấy giờ tiên-sinh mừng quá, ôm lấy Lương-quân vồn-vã ngợi khen:

— « Chao ôi! Nếu thanh-niên nước nhà hết thầy giàu khi-phách, có chí kiên-cường mạo-hiêm như anh, thì chúng ta sẽ có phép rút đất của Phi trường Phòng, để thu rút con đường giết thù phục quốc ngắn đi được bao nhiêu dặm mà nói! »

Thêm vào câu chuyện kỷ-niệm ấy, chúng tôi tưởng nên trích một đoạn sách « Ngọc-trung thư ».

— Còn 8 ngày nữa thì hết năm quý-sửu (1913) họ Phan đang ở tỉnh Quảng-đông, chợt bị đò-đốc Long tế Quang bắt hạ ngục, giam chung một xà-lim với ông Mai lão Bạng, một vị cố-dạo Thiên-chùa, người tỉnh Nghệ-an cũng bỏ nước ra ngoài hoạt-động cách-mệnh bấy lâu.

Theo lời yêu-cầu của toàn-quyền Đông-dương

lúc đó là A. Sarraut, Long tế Quang bắt giam nhà lãnh-tu cách-mạng Việt-nam, định sẽ giao trả về Hà-nội cho người Pháp.

Vì trong nước lúc ấy có hai việc bạo-dộng như kiểu những đảng-viên cách-mệnh Ái-nhĩ-lan (Irelande) dùng thủ-đoạn khủng-bố đối với người Anh. Tháng ba năm quý-sửu đó, Phạm văn Tráng từ hải-ngoại đem tạc-đạn về, ném chết tuần-phủ Nguyễn duy Hàn (Thái-bình) có tiếng là hung-tinh của đảng cách mệnh. Nửa tháng sau, Nguyễn khắc Cần mang bom ở ngoài về Hà-nội, hạ sát được hai võ-quan tây là Chapuis và Montgrand ở trước tửu-điếm phố hàng Trống. Người Pháp buộc tôi họ Phan chủ mưu, lập hội-dồng Đề-hình kết án tiên-sinh vào tử-hình vắng mặt, nhờ đồ-đốc Long tế Quang bắt hộ và giao lại cho mình đề thi-hành cái án đã xử.

Vào ngục mấy hôm đầu, Phan tự nghĩ phen này mình không thoát chết, bèn cầm bút viết ra « Ngục-trung thư » lược-thuật công-việc cách-mệnh mình từ hồi còn nghĩa-bính Phan Đình Phùng cho tới bây giờ trong có một đoạn nói về ông Lập Nham như sau đây :

« Tháng 10 năm ất-tỵ, 1905) tôi đến Hoàn-tân về ở nhà trọ cũ, thấy một vị thanh-niên học-sinh ta, Lương-quân Lập Nham, đã tới ở đó trước rồi.

Tôi xem ra người thật có khí-phách hăng-hái, đầu tóc còn để bờm-sờm. Đồ hỏi mới biết Lương-quân bỏ nhà đi trốn sang Nhật trọ-trại một thân, lúc lên đến bến thì hành-nang vừa cạn, trong túi chỉ còn vụn-vụn có ba xu, không hơn không kém.

Thấy thế tôi vừa mừng vừa chùng-hững. Vì bạn nhỏ tuổi nước ta, một thân một bóng mà dám liều mệnh xông-pha sóng gió muôn trùng đến một nước thuở nay mình chưa quen-biết bao giờ, Lương-quân chính là người thứ nhất vậy.

Tè ra Lương-quân vốn là một thanh-niên chưa sần kỳ-khí, có hoài-bão cao-xa, chỉ nghe nói tôi đã sang Đông, cho nên mạnh-bạo bỏ nhà ra đi, không kể gì mọi nỗi gian-nan nguy-hiểm.

Bạn thiếu-niên anh-tuấn nước ta sau đây, có mấy người được như Lương-quân ? »

Ông Lập Nham tên thật là Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lập Nham, sinh năm ất-dậu — giữa năm thành Huế thất thủ — con thứ hai cụ cư Ôn Như Lương văn Can. Kể theo thứ-tự cả con trai con gái thì ông sinh vào hàng thứ ba. Vì đó trong cách-mệnh giới và anh em Đông-du quen gọi ông là Ba Quyến.

Tổ-quán là làng Nhị-kê thuộc huyện Thượng-phúc tỉnh Hà-nội (nay về Hạ-đông), nhưng ông sinh-trưởng ở nhà số 4, phố hàng Đào, tỉnh-thành Hà-nội, là nơi họ Lương kinh-doanh buôn-bán trải đã mấy đời.

Trước cửa nhà số 4 ấy, từ 1.903, hai ông Sào Nam, Tây Hồ hay đi lại bàn-tính quốc-sự, rồi ông Lập Nham Đông-du, kể đến phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục cho mãi tới khi cụ Cử Lương đi an-trì ở Cao-miên trở về được mấy năm thì qua đời (1.927) ; nghĩa là ngót ba chục năm, trước cửa nhà số 4, thực-dân cho người thay phiên canh-gác đêm ngày, không lúc nào quên-nhãng. Vì họ biết đấy là bộ

tham-mưu của phái văn-thân, là cơ-quan giao-thông của các chí-sĩ Đông-du ; phạm người lui tới chỉ để bàn việc đánh đổ chủ-quyền Pháp, khôi-phục nền độc-lập Việt-nam.

Thuở nhỏ, ông Lập Nham cũng học cử-nghiệp, sớm tối mài-miệt với chồng sách cũ, lo dũa vắn gọt chữ để mong có ngày tranh khôi đoạt giáp như các bạn đồng thời. Lúc 15, 16 tuổi, ông đã nổi tiếng học giỏi. Đến khoa canh-tý (1900), ông thi trường Nam, hỏng kỳ thi phú ; liền dấy tư-tưởng biến-hóa, không thèm theo-đuổi lối học từ-chương khoa-cử nữa.

Lúc bấy giờ, những sách cổ động dân-quyền do các nhà tân-học Trung-quốc dịch-thuật của Tây-phương, đã truyền-bá sang nước ta rất nhiều. Những nghị-luận cách-mệnh và tư-tưởng duy-tân của thầy trò Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu, cùng các nhà ái-quốc Trung-hoa mạnh-bạo chủ-trương đả đảo Mãn-tbanh, chấn-hưng Hán-tộc không những làm rung-động tâm-não người Tàu mà thôi, làn sóng duy-tân cách-mệnh ấy tràn qua Nam-quan hoặc vào cửa Đờ-son, khiến nhân-tâm sĩ-khí ta cũng phải giật mình thức tỉnh. Nhật-bản thì càng ngày càng sẵn bước trên đường văn-minh phú-cường, ra mặt đối-địch với các cường quốc làm cho thiên-hạ phải kinh-ngạc và kiêng-nể. Ngoài tình ở phương Đông phần-phát bùng-bọt là thế. Đồng thời, trong nước thì ông Phan Sào Nam đứng lên lãnh-đạo công-tác cách-mệnh, liên-lạc chí-sĩ văn thân khắp nơi, lập hội «Việt-nam Quang-Phục», sắp-sira xuất dương hoạt động.

Ông Lập Nham đọc nhiều tân-thư, được nhiều tư-tưởng mới kích-thích giác-ngộ, nhận-xét tình-bình thế-giới và thời-cục nước nhà, thấy rằng thanh-niên Việt-nam lúc này phải tự-cường, phải cứu-quốc, không nên và cũng không thể ngồi gục đầu vào lối học hư văn hủ-bại được nữa, vì chính nó đã làm cho người mình bần, nước mình mất. Hơn nữa thanh-niên Việt-nam phải mau học-tập binh-cơ võ-bị tân-thời, mới có thể đánh lại kẻ thù mà lấy lại quyền tự-do độc-lập cho giống-nòi tổ-quốc.

Bởi vậy, chỉ thi có một khoa, ông khái-nhiên bỏ dứt từ-chương khoa-cử, không thèm đoái-hoài thương-tiếc chút nào ; lại khuyến-kích được nhiều bạn đồng-học cũng mạnh-bạo làm như mình. Từ đó ngày đêm làm bạn với sách mới, trong trí không lúc nào rời ý-nghĩ phấn chí tự-cường, đi học củu-quốc. Kịp khi nghe Sào Nam tiên-sinh đã xuất-dương, ông liền hăng-hái ra đi trước tiên, để làm gương cho anh em đồng-chí.

Ông cũ Dương Bá Trạc là một bạn thân, từ lúc còn đi học cho tới sau cùng nhau hoạt-động cách-mệnh, đôi bên vẫn trao đổi thanh khí tin-tức, không bao giờ gián-đoạn. Cho nên việc ông Lập Nham Đông-du ban đầu thế nào, họ Dương biết rõ hơn cả.

Mấy năm trước đây, Dương tiên-sinh có viết một tập ký-ức lục, kể chuyện sinh-bình trong cuộc vận-động cách-mệnh mình đã cộng-sự với những ai. Dưới đây là đoạn tác-giả kể lại thiếu thời của

người chủ mưu khởi-nghĩa Thái-nguyên và tình-hình lúc bỏ nước trốn sang Nhật cầu học.

« Bạn Lương Lập Nham là con thứ hai của cụ cử Nhị-kê, thông-minh từ thuở nhỏ. Hồi 15, 16 tuổi đã có tiếng học giỏi; san thi trường hương Nam-dịnh khoa canh-tý, bạn vì xuất vận bài phú mà bị hỏng, nếu không thì cũng đỗ khoa thi ấy cùng với tôi.

« Đến năm quý-mão (1903), chúng tôi đã lấy tân-tư-tưởng, tân-học-thuật khuyến-khích lẫn nhau, nên chỉ bạn nhất quyết bài-xích khoa-cử là hủ-bại, không thêm thì nữa.

« Năm sau, có việc Phan Sào Nam Đông-du, bạn cùng cụ cử và anh ruột là Trúc Đàm, đều phụ lực với chúng tôi vận-động thành-lựu việc ấy. Sau ông Sào Nam ở Nhật về nước, cùng anh em quyết-định việc đưa ông Kỳ-ngoại-hầu Cường Đê đi, và phải thanh-niên học-sinh sang Nhật cầu học. Lúc ấy bạn 19 tuổi đã có vợ con, lại là con nhà giàu, vốn sống trong cảnh phong-lưu sung-sướng; không ai tưởng rằng bạn có thể đoạn-tuyệt nhất thiết mà đi xuất-dương khổ học cho được? Thế mà bạn nghị-nhiên thủ-xướng, mạnh-bạo ra đi trước nhất một mình để làm gương cho người sau.

Bình-nhật bạn thường nói luôn với anh em :

— Kia Đại Bĩ Đặc là vua nước Nga còn vứt bỏ phú qui tôn vinh mà đi làm thợ ở nước ngoài để học lấy kỹ-thuật cường quốc, huống chi là mình! Lại coi Nhật-bản duy-tân tự cường được như bây giờ, cũng là nhờ có mấy tay như Y Đẳng Bác Văn,

như Bản Viên Thoái Trợ v. v... lần-lút trốn ra ngoài, học lấy thành tài, trở về giúp nước, Nhật-bản mới được như thế. Tôi xin làm tên tốt đầu của đội quân xuất dương khổ học, đi trước anh em!

Thế là bạn quả quyết bài-biệt cha mẹ, làm giấy rẫy vợ cho cả gia, lìa bỏ đứa con gái còn non tuổi mà đi.

Lúc bạn ra đi, chúng tôi đã xếp-đặt có người tâm-phúc làm việc ở một chiếc tàu tự Hải phòng đi Hương-cảng, tức là người đã đưa Sào Nam và Kỳ-ngoại Hầu đi được hai chuyến an toàn trót lọt. Nhưng bạn lo việc lâu dài, bàn tính với tôi :

— Việc đi học còn cần phải nhiều người kế tiếp xuất dương, nay mình mới có một chiếc tàu mượn làm đi được thế này, vạn nhất tiết-lậu, nghề mất đường ấy thì sao? Mình phải lo mở ra nhiều con đường khác cho người đi sau mới được chứ!

« Nghe bạn nói phải, tôi sực nhớ đến ông Tăng bát Hồ đi Nhật chuyến trước, theo con đường Móng-cáy sang đất Trung-hoa rồi đáp tàu đi được vô sự. Tôi liền tính kế đưa bạn Lập Nham đi theo đường ấy. Nhân dịp tìm nơi trú-àn ở Móng-cáy, ở Đông-hưng và ở Bắc-hải, cho có người dung-nạp hướng dẫn mình chắc chắn, hầu sau này có cần được nhiều người đi một chuyến thì đường này tiện hơn. Đường tàu thủy Hải-phòng Hương-cảng tuy có tay trong tâm-phúc và nếu còn đi được, mỗi chuyến chỉ ba, bốn người là cùng mà cũng chưa chắc là giữ trót lọt được mãi. Tính thế rồi tôi cùng đi với bạn.

« Chúng tôi đã định kỳ với nhau trước : ngày 14 tháng 8 năm át-ty (1905) bạn thu-xếp hành-lý từ Hà-nội đi về Mế là quê-quán tôi, để cùng lên Gia-lâm đạp xe lửa đêm đi Hải-phòng. Bạn đi bộ suốt từ Hà-nội về quê nhà tôi, khởi hành 4 giờ đêm đến 9 giờ sáng tới nơi. Chúng tôi ăn cơm sáng xong, chuyện-văn một hồi, lại dắt nhau kéo bộ từ Mế lên Gia-lâm vừa đúng 9 giờ tối để kịp đi chuyển xe lửa đi Hải-phòng 11 giờ đêm.

« Thời-đại ấy anh em chúng tôi bảo nhau luyện-tập sự sống rất là khắc-khổ. Phàm là anh em trong đảng, đều cấm tuyệt uống rượu, hút thuốc phiện, đi hát, cờ bạc. Ngày nào cũng phải tập thể-thao lấy sức, tập đi bộ cho quen. Chúng tôi luyện-tập lâu ngày thành quen, cho nên đi bộ xa đến thế nào cũng không hề thấy mỏi-mệt.

Về chuyện cấm-chỉ này có mấy câu chuyện buồn cười, mà tỏ ra quy-luật của đảng cực nghiêm và cái nhiệt-thanh ái quốc của anh em lúc bấy giờ kể thật mạnh-mẽ. Bạn Lê Đại và bạn Võ Hoàn là hai tướng rượu có tiếng xưa nay ; một hôm rủ nhau đi ăn đám giỗ ở nhà bà con, mâm cỗ linh-dinh, bao nhiêu khách dự tiệc tha hồ chén tạc chén thù đến say tùy-lý. Hai tướng rượu ta trong thấy nhảm ngou rượu sẵn đến nỗi người ta say khướt cả, mình thêm uống thật nhỏ rãi, mà cố giữ, đảng cấm, nhất định không uống một giọt nào. Những người ngồi gần biết ý, trông thấy hai bạn thủ giới mà động lòng thương-hại.

« Lại bạn Hoàng tăng Bi và bạn Lương trúc Đàm, vốn người sinh-trưởng phú-quý, thuở nhỏ đến giờ không biết đi bộ là cái gì, nay phải tập đi

bộ, mấy lần đầu, sưng churn, toét cả mấy ngón ; thế mà nay tập, mai tập mãi, sau cũng đi bộ được một hơi từ Hà-nội về tới Canh, tới Diên.

« Bạn Phạm danh Chánh, cháu cụ Hoàng-giáp Tam Đãng, thuở nhỏ vốn giang-hồ phóng lãng, kết giao với bọn lục-lâm nhiều thành ra mắc bệnh nghiện a-phiến. Khi ấy bạn chịu để anh em trong đảng giam mình ở một gác xếp hiệu Đồng Lợi Tế, khóa trái cửa lại, chỉ để cái bô đại, tiểu tiện trong đó và mỗi bữa ăn thì có người đưa cơm nước vào cho. Tha hồ vật-vã đủ tình đủ tội, tha hồ kêu gào đập phá, nhất định không ai đoái-heai hay thương xót mở cửa cho ra. Vậy mà qua hết 9 ngày, bạn Phạm danh Chánh chưa được a-phiến như thường, khỏe mạnh chẳng sao cả.

« Chính bạn Lập Nham lúc trước cũng là tay chơi khét tiếng ở các xóm hồng-lâu Hàng Giấy, Thái-bà, thế rồi phần phát tự cường tuân theo đảng cấm, nhất dân thôi hẳn. Từ đấy, bạn coi các nàng tiên đứng-dưng như một người ái nam vô tình, rồi đến nhả lao nại khổ mà đi chuyển này.

« Mà chuyển đi này kể cũng là nhả lao nại khổ thật.

« Khuya tới Hải-phòng, vì có ý muốn hà-tiện để dành tiền ra ngoài tiện, chúng tôi không vào trọ ở lữ-quán. Nhân tôi quen biết người làm tri-huyện Hải-an ở gần kề Hải-phòng, chúng tôi bèn giả vợ làm thầy trò ; tôi làm thầy, bạn Lập Nham xách va-ly làm trò, vào huyện ngụ như Cơm nước cả ngày hôm sau ở đó để đợi kỳ tàu, vì tàu Mông-cáy lúc bấy giờ mỗi tuần chỉ có hai chuyến. Tôi nói ra ngoài mỏ và đi vịnh Hạ-long chơi lại nã anh cu huyện ta được thêm chục bạc phụ vào hành-tàu cho bạn Lập Nham.

« Trưa hôm 16, chúng tôi xuống tàu ra Móng-cây.

« Nguyên khi ở Hà-nội, tôi có quen Đào quang Tích, học trường Hậu-bổ vốn là con ông Lãnh-binh đã làm quản đạo Móng-cây về hưu. Bấy giờ tôi hỏi thăm về nhà ông Lãnh Đào. Vô đó, tôi lân la kể chuyện kết giao với Hậu Tích ở Hà-nội, vẫn được nghe tiếng ông Lãnh là con-cái gia thế, cùng những công-việc ông làm ngày trước do bạn Hậu Tích thuật cho nghe. Tôi nói rành-mạch đầu ra đấy không sai tý nào, nên ông cu tin yêu hết sức.

« Ở được ít lâu, tôi cùng ông chuyện-văn, dần dà biết ông cũng là người có bụng tốt với nước nhà, chúng tôi bèn thổ-lộ tâm-sự. Ông rất đồng ý, hứa sẽ giúp vào công-việc. Ông nói :

« Tôi ở đây cũng có chút ít thế-lực ; người Pháp cũng tin-cậy mà người Tàu bên Đông-hưng thì phần nhiều đi lại quen-thuộc với tôi. Vậy các ông có thể đưa anh em đi qua lối này, tôi xin bao bọc cho được, rồi giới-thiệu với người ở bên Đông-hưng họ đưa đường dẫn lối, dò hỏi tịn-tức tàu-thuyền cho mình đi an toàn, không xảy ra có điều gì quẩn ngại.

« Hôm sau ông dẫn chúng tôi sang chơi người đoàn-trưởng bên Đông-hưng, tỏ hết câu chuyện với người ấy, nhờ hẳn hỏi hộ ký tàu ở Bắc-hải đi Hương-cảng cho đàng, rồi thuê giùm một người tin-cần dẫn lộ đi Bắc-hải để kịp xuống tàu. Người đoàn-trưởng vốn là thủ-hạ ông, nên ông có thể nói thẳng ngay vào chuyện, không e-ngại gì. Anh ta cũng kính vàng lời, lại nói với ông để chúng tôi ở

chơi luôn trong nhà cho khỏi bị người Pháp ngờ-vực dòm-ngó. Ông khen phải, rồi bảo tôi : « Các ông nên ở luôn đấy mà đợi tàu, đừng về bên kia nữa. Tôi sẽ cho thằng Ba (tức là con ông, em Hậu Tích), đưa hành-lý sang cho, rồi nó ở chơi bên này để thay tôi mà tiễn chừa các ông đi Bắc-hải.

Cách sáu hôm sau thì có tàu ghé Bắc-hải đi Hương-cảng.

« Trước một ngày, người đoàn-trưởng phái một tên thủ-hạ đưa chúng tôi đi Bắc-hải. Đường phải qua một quãng rất khó-khăn, nhỏ hẹp, vừa hai người chen chun mà ghồ-ghề, khúc-khuỷu, đi cực vất-vả. Tối mịt đến Bắc-hải. Đã có thư người đoàn-trưởng giới-thiệu chúng tôi với chủ hiệu Long-Hải ở Bắc-hải rất ân cần. Ông này tiếp thư niềm-nở mời chúng tôi lên lầu tắm-rửa xong, đãi ăn-uống hết sức tử-tế.

« Trong khi đàm-đạo, chúng tôi ngó ý nhờ ông cho trú-ngụ mỗi khi có người đi ra ngoài, đến đấy chờ tàu. Ông vui-vẻ nhận lời ngay.

« Cùng đi với chúng tôi đến đấy, có cả cậu Ba, con ông lãnh Đào. Cậu cũng khảng-khái, hứa với tôi về sau này có người đi, tôi không cần phải ra, đã có cậu trông-nom mọi việc chu tất. Thế là chúng tôi thành công được một việc, là mở một con đường xuất dương chắc-chắn yên-đàn ; đầu đấy đều có người sở-tại sẵn lòng giúp-đỡ mình.

« Tối hôm sau là giờ bạn Lập Nham xuống tàu đi Hương-cảng.

« Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi bàn-nói dăn-dò nhau hết chuyện này qua chuyện khác. Những

chuyện về sau chúng tôi mở nghĩa-thục, lập hội buôn, cho đến chuyện tìm nơi căn-cứ chiêu-mộ quân-sĩ, tập-rèn võ-nghệ, và những kế-hoạch dự định rằng bạn Lập Nham vào trường quân-bị ở Nhật học tốt-nghiệp rồi về thực-nghiệm chiến-thuật trên trận-địa Tàu; nhất nhất chúng tôi có dự bàn với nhau trong lúc sắp-sửa chia tay đó.

« Sau ít lâu, tôi tiếp được thư bạn cho biết ra tới Hương-cảng ngày mồng 2 tháng 9; đến mồng 5 đáp tàu sang Hoàn-tân, ngày 14 tới nơi, ở lại mấy tuần mới đi Đông-kinh, đã gặp Kỳ-ngoại Hầu và Sào Nam dẫn đến yết-kiến các ông Đại-Ôi bá-tước, Khuyển-dương Nghị và Bá nguyên Phương v.v.»

Ông Lập Nham còn trọ ở Hoàn-tân thì gặp Sào Nam tiên-sinh từ nước nhà trở sang chuyển thư hai, như một đoạn trong « Ngọc trung thư » tiên-sinh đã viết.

Chúng tôi muốn trích-lục cả đoạn văn dài trong tập ký-ức của ông cử Dương bá Trạc không những để tỏ ra cái chí khổ học cứu quốc của người anh-hùng trong truyện này, một chốc bỏ hẳn cuộc đời sung-sướng đoàn viên đứng ra phát cờ tiên-phong cho anh em đồng thời; nhân dịp ta lại được biết cả tinh-thần thao-luyện khắc-khổ của phái nhà nho 40 năm về trước, chỉ vì hoài-bão giải-thoát nòi-giống, khôi-phục non sông.

Hơn nữa, ta biết người đời bấy giờ dụng công mở ra con đường Mông-cây — Đông-hưng cho các bạn đi sau được rộng thêm một lối xuất dương

hoạt-động cách-mệnh. Sự mở đường ấy hình như không có nghĩa gì với những người hai ba mươi năm về sau có thể bưng mắt bọn thám-tử mà vượt qua biên-giới như đi chợ, cho đến sang Nga, sang Mỹ cũng là chuyện tầm-thường. Nhưng ta đặt mình vào địa-vị nhà nho lúc mới bước sang thế-kỷ hiện-tại, ta mới nhận thấy là một vấn-đề không phải dễ-dàng như ai nấy tưởng-tượng.

THỰC - NGHIỆM BINH - HỌC TRÊN TRẬN-ĐỊA NƯỚC TÀU

Ban đầu, Sào Nam tiên-sinh xuất dương cốt có mục-đích cầu-viện khi-giới ở Trung-quốc hay ở Nhật-bản, làm như Thân bao Tư nước Sở ngày trước sang khốc ở Tân-đình xin viện binh về khôi phục tổ-quốc vậy.

Song việc giao-thiệp ở đâu cũng không được như nguyện. Tuy vậy, Phan ra ngoài xem-xét tình-thế thiên-hạ, trở lại nhận rõ dân-trí nước mình còn thấp-thỏi, mà nhân-tài mọi bề thiếu-thốn, không có ; chừng đó Phan tự ăn-năn việc mình lo toan từ trước là nông-nồi chỉ bo bo về vấn-đề quân-giới, nào có phải đó là cái kế độc-nhất vô-nhi để mưu tính công-cuộc độc-lập cho nước nhà đâu.

Một hôm, Phan đến nhà chí-sĩ Trung-quốc là Lương Khải Siêu lúc ấy cũng là nhà cách-mệnh đi trốn sự khủng-bố của quan-lại Mãn Thanh, sang ở Hoàn-hân xuất-bản tờ Tân-dân tùng báo. Trong lúc bút đàm, Lương thành thực tỏ-bày ý-kiến :

— « Cái kế-hoạch độc-lập của quý quốc, nhất-thiết phải trông-cậy ở thực-lực mình trước hết.

« Thực-lực một nước, hệ-trọng hơn cả, không gì cho bằng nhân-tài. Vậy tới tình kế cho quý quốc bây giờ, cần nhất là phải gắng công ra sức vun-trồng nhân-tài. Hễ nhân-tài có đủ, thì chỉ đợi thời cơ đưa đến là ta làm được đại sự. »

Phan đang băn-khoăn lo nghĩ về vấn-đề nhân-tài, nay được nghe ý-kiến họ Lương, càng thấy đường dục nhân-tài là việc khẩn-thiết, bèn gác chuyện mưu-tính quân-giới mà kinh-doanh việc cổ động thanh-niên xuất dương cầu học đã.

Bởi đó, khi trở sang Hoàn-hân trông-thấy ông Lập Nham đã tự động bỏ nước, bỏ nhà đi sang cầu học tiên-phong, họ Phan vui mừng vô hạn.

Chính ông Lập Nham khi đã lên Đông-kinh, một mặt lo học Nhật-ngữ để sửa-soạn vào trường, một mặt gửi thư về nước thúc-giục đồng chí mau mau lựa-chọn thanh-niên phái sang cho đông.

Tiếp được thư ông thôi-thúc, đồng-chí trong nước lật đật phái người ra. Em ruột ông là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài, lập tức lên đường. Đồng thời, những học-trò cụ cử Nhị-khé như ông Nguyễn Thái Bạt, Nguyễn Điền, Võ mẫn Kiến, Nguyễn cảm Giảng (Hải-Thần), Nguyễn xuân Mai, Bùi như Uyên ; trong Nghệ-Tĩnh thì bọn Đặng thúc Hứa, Phan đình Cừ (con cụ Phan đình Phùng) ngay cuối năm Ất-tỵ qua đầu năm bính-ngọ (1906) lục tục Đông-du rất nhiều. Nam Việt cũng phái đi hàng mấy

chục người : ông Trần chánh Chiêu tục danh Gilbert Chiêu đứng đầu hội Minh-Tân kháng Pháp ở Nam Việt, cũng phải hai người con đi vào lúc ấy.

Trong lúc chờ đợi thanh-niên trong nước lục tục đến nơi, đầu năm 1906, Sào Nam tiên-sinh bắt đầu thu-xếp cho mấy anh em đã sang trước. Ba ông Lập Nham, Trần hữu Công, Nguyễn Điền vào học Chấn-Võ học-hiệu tại Đông-kinh do Phước Đảo trung-trưởng làm giám-đốc để nghiên-cứu binh-học ; ông Nghị Khanh thì học ở Đông-Văn thư-viện, nghiên-cứu về chính-trị, kinh-tế. Đông-du học-sinh trước nhất là bốn người ấy.

Những người sang sau vào học trường Chấn-Võ cũng nhiều. Thanh-niên Việt-nam sát cánh với học-sinh Trung-quốc.

Ông Cường Để sang được mấy tháng cũng học Chấn-Võ học-hiệu vì thử thời ông mới ngoài 20 tuổi, cũng là một thanh-niên cường tráng. Nhưng ông thú thật là mình ham đọc sách hơn là học võ ; đến nỗi lơ-dềnh bài học nhà trường, điểm số tuần nào cũng kém ; lại không kham nổi những sự luyện-tập nặng-nề vất vả, cho nên chỉ theo đuổi được có năm tháng rồi phát ốm vào nằm nhà thương và bỏ Chấn-Võ học-hiệu đi học trường khác.

Trong vòng 2 năm, 1906-1907, hàng trăm học-sinh ta lưu học các trường bên Nhật được các đồng-chi và các nhà hảo tâm hảo sản trong nước chung góp nhau, tiếp tế cho anh em rất đầy-đủ, mặc dù tình-thế càng ngày càng khó-khăn. Sự thật, thực-dân tìm đủ mọi cách thọc gậy vào bánh xe giao-thông tin-tức và giúp-đỡ tiền-bạc giữa người trong nước và phái Đông-du.

Vì-du Đông-kinh nghĩa-thực như chúng tôi đã nói vừa là trường học, vừa là cơ-quan làm tiền gửi ra cho phái Đông-du hàng nghìn, hàng vạn lún luôn. Chưa kể vô số tư-gia khắp Trung, Bắc, gần lòng quyền trợ, nhất là các nhà triệu-phủ trong Nam Việt. Nhờ thế mà Sào Nam tiên-sinh đóng vai bộ trưởng tài-chính của phái Đông-du hồi bấy giờ, không những lo liệu chu-toàn cho anh em học-sinh, lại có thể thời thường mua bom, mua súng gửi về giúp Đề Thám cùng những chiến-sĩ ở nhà vẫn kể tiếp bạo động.

Đúng đến tháng hai năm Mậu-thân (đầu năm 1908) bà-con ta tan-tác mỗi người một nơi như ông võ tử.

Vang bóng của phái Đông-du lúc bấy giờ về trong nước rất lớn. Nội cái danh-vọng Sào Nam tiên-sinh với những bài văn cổ-dộng cách-mệnh của tiên-sinh cũng đủ làm cho lòng người phừng phừng nổi lên như thiêu như đốt.

Thật thế, văn-chương tuyên truyền của tiên-sinh viết từ Đông-kinh gửi về nước như « Hải ngoại huyết thư », như « Việt-nam vọng quốc sử » như « Khuyến thanh-niên du học » và nhiều khúc hát ái quốc, văn thơ bi tráng, nhất thời kích-thích nhân-tâm rộn rục la thướng. Mặc kệ thực-dân cấm và bọn quan-lại tâu cầu ra sức dòm-hành, de-net, người ta vẫn sao chép bằng giấy mực hay trong trí nhớ, ngâm nga truyền-tụng khắp kẻ chợ nhà quê, xui-giục ai nấy tự-động lòng yêu nước, ghét thù, không thể nào át được.

Rồi thì bao nhiêu thanh-niên tuấn-tá, có thể bỏ

nhà bỏ nước ra đi, là họ đi ngay ; sang Tàu, sang Nhật, sang Xiêm, để cầu lấy sự học tự do, để gặp các bạn đồng tâm đã đi từ trước, cùng nhau mưu toan, cùng nhau hoạt-động công-việc khôi-phục tổ quốc.

Còn những người hữu tâm ở trong nước, gồm đủ tầng lớp xã-hội, luôn luôn âm mưu phẫn-dấu, chống lại đó-hộ, hết phong-trào nọ đến sự biến kia.

Người Pháp nhận thấy Đông-kinh nghĩa-thực làm rộn miền Bắc từ vụ đầu độc trại lính tây ở Hà-nội có liên lạc với Đề Thám hiện đang xưng hùng ở Yên-thế, cho tới phong-trào biểu tình kháng thuế ở Quảng-nam và nhiều tỉnh Trung Việt, nhất nhất có ảnh-hưởng của phái Đông-du bên trong, cho nên quyết tìm cách trừ-diệt cho bằng được.

Đầu năm mậu-thân, họ ký hiệp-ước kinh-tế với Nhật, để cho hàng-hóa Nhật sang bán ở nước Pháp cùng các thuộc-địa Pháp đều được hưởng quan-thuế tối huệ, nghĩa là đánh thuế nhập cảng nhẹ hơn lệ thường. Có điều, ăn đào phải trả lại mận ; Pháp yêu-cầu Nhật giải tán học-sinh đoàn và đuổi hết đảng viên cách-mệnh Việt-nam hiện đang trú-ngụ hoạt-động bên Nhật.

Lạ gì trò đời, miễn có lợi cho mình là hơn, tình nghĩa bà con thân tộc còn có thể đạp xuống bàn chửi, huống chi nước này đối với nước khác.

Lúc ấy Nhật đương mở-mang công-nghệ chế-tạo, cần có nhiều chỗ tiêu-thụ để mưu lợi cho dân nước mình là điều thiết-yếu, có đếm-xía gì đến số người Việt-nam quen kia nung-nấu trong đất nước họ. Bởi thế, sau khi ký hiệp-ước kinh-tế với

Pháp rồi, chính-phủ Nhật liền hạ lệnh trục xuất tất cả đảng-viên cách-mệnh và học-sinh Việt-nam, hẹn trong 48 giờ đồng hồ phải ra khỏi đất Nhật.

Cố-nhiên hai ông chóp bu là Sào Nam và Cường Đê phải xéo trước hơn mọi người. Hai ông lập tức xuống tàu trở về Trung-quốc.

Rồi đến học-sinh, nhiều người phẫn-uất thái-dộ giờ mặt của Nhật cũng bỏ sang Tàu, sang Xiêm, hoặc trở về nước. Còn những người vẫn muốn ở lại học thì cũng phải làm bộ thu-xếp hành-lý ra trường, để che mắt thế-gian, rồi, trong vài ba hôm quay trở lại với căn-cước khác.

Ấy là đời làm người Tàu. Mấy chính-khách Nhật giao-thiệp với sứ-quán Trung-hoa hộ ta, thay-đổi giấy tờ chứng nhận quốc-tịch Trung-hoa. Xong rồi, anh em trở về trường học như thường.

Giờ là học-sinh Tàu chứ không phải học-sinh Việt-nam nữa.

Ông Lập Nham với Nghị Khanh, em ruột ông, cùng mấy người học-trò cụ cử Nhị-khê, đều ở trong đám lộn sòng quốc-tịch Trung-hoa cho được lưu học tới khi tốt-nghiệp.

Vì công-phu học-tập đang tấn tới, phải bỏ dở-dang thi tiệc.

Đến năm 1911, ông Lập Nham thi tốt-nghiệp đỗ đầu, được ban giám-khảo khen-ngợi. Đường kẻ Nghiêu sau này là đó-độc Văn-nam, oai-quyền lừng-lẫy, là bạn đồng học và cùng thi ra với ông cùng một khoa ấy. Chỉ khác nhau ở quê-hương và thời

thế, mà về sau một người có đất dụng võ, một người không.

Liên đây, ông từ-giã đất Nhật mà đi Quảng-đông, nơi đã cho ông đội lột quán tịch cho trọn học-nghiệp.

Sự thật, ông cốt về Tàu để mượn chỗ thực-nghiệm binh-học tân-thời đã được hấp-thụ ở một trường quân-bị Nhật. Vừa gặp thời cơ thuận-tiện là cuộc Đại-cách-mệnh ở nước Tàu thành công, nền dân-chủ cộng-hòa mới xây-dựng, chính là lúc cần dùng nhân-tài, nhất là những người có học về quân-sự.

Ông vốn đã nhận quốc-tịch Tàu, lại quen biết nhiều đảng-viên cách-mệnh Tàu khi họ còn bôn đảo bên Nhật; nay họ đã về nước nhận-lãnh trách-nhiệm dựng lại quốc-gia, tự-nhiên lười grom anh-hùng chẳng lo không có một hòn đá mài thử.

Với thư giới-thiệu trân trọng của một yếu-nhân cách-mệnh, ông đến yết-kiến Hồ hán Dân, lúc ấy giữ chức trọng-yếu Quảng-đông đô-đốc.

Hồ niềm-nở tiếp đãi, hỏi-han sở học, rồi tức khắc bổ ngay ông làm chức đại-úy, chỉ-huy một cánh quân hơn một nghìn người chuyên việc diệt trừ thổ-phi đã thừa lúc quốc-gia hữu sự nổi lên hoành-hành khắp vùng Nam-đường, Tam-thủy.

Ngót một năm xông-pha hiểm-trở, vào tận sào huyệt thổ-phi, trái lăm trận kịch-chiến đến tinh-mệnh cơ nguy, lập nên nhiều chiến công bắt sống quân giặc vô số, được viên tổng-tư-lệnh đạo binh tiểu phi khen-ngợi và tư về phủ Đại-đô-đốc, xin kỹ công thăng chức cho ông. Nhưng điều nguyện

vọng tha thiết trong trí ông chẳng phải ở chỗ được kỹ công thăng chức, chỉ cần được cầm binh xuất trận như thế cho được thực-nghiệm và nghiên-cứu về địa-hình, về trận thế, về kỹ-thuật tác chiến, để một mai trở về dung-dủ với quân cường-dịch trên đất nước nhà kia. Sở vọng của ông chăm chăm ở đây. Một người Việt-nam đã chịu giáo-hóa Võ-sĩ-đạo và tốt-nghiệp đầu bảng một trường quân-bị ở Đông-kinh, cốt mong có ngày được chạm sứt với quân thù, hiệu-lực vì tổ quốc.

Không bao lâu, Hồ hán Dân từ chức Quảng-đông Đại-đô-đốc; thời-cực lại xoay-đổi.

Ông Lập Nham cũng từ-giã Quảng-đông lên Bảo-định, vào học trường Quân-quan được mấy tháng, nhận thấy chương-trình đã học bên Nhật cả rồi, liền bỏ trường Bảo-định mà đi Võ-xương.

Lúc bấy giờ Lê nguyên Hồng đang tổ-chức lại quân đội cách-mệnh, cần thu-dụng nhiều nhân-tài từng được huấn-luyện binh-học ở ngoại-quốc về; vì hạng người ấy còn là số hiếm ở Trung-quốc đương thời, dù có bao nhiêu cũng vẫn chưa đủ cho sự cần-dùng của chính-phủ cách-mệnh.

Vấn nhận mình là người dân Trung-hoa, thêm vào huân-công đã thu được ở Nam-đường, Tam-thủy, ông Lập Nham được Lê nguyên Hồng bổ chức Thiếu-tá, coi một Lữ-đoàn lục-quân.

Thế là ông lại được dịp thực-nghiệm sở học trong một thời-gian nữa.

Kể ra hồi ấy có nhiều đồng-bào Việt-nam xung vào hàng-ngũ chiến-sĩ cách-mệnh Tàu, không phải chỉ có một mình ông, nhưng tất cả đều thành thật nhìn-nhận ông là tay lỗi lạc hơn cả.

CUỘC MẬT-HỘI Ở LONG-XUYỀN

Ông và những bạn Việt-nam đồng thời, từng có giáo-dục quân-sự như ông, sở dĩ hăm-hở đem cánh tay khối óc và sự học-vấn binh-nhung của mình ra tận trung hiệu lực ở chốn cương trường Trung-hoa, không phải vì sự sống bắt-buộc, hay cầu lấy danh-vọng gì đâu. Kỳ thật chỉ vì ôm-ấp hai điều mong mỏi.

Một là được thực-nghiệm sở học, như trên đã nói. Có học mà không được thực-hành, không được kinh-nghiệm, một khi cò phất đến tay, chẳng khỏi bỡ-ngỡ. Bởi vậy, các ông muốn nhờ trận-địa Trung-hoa làm chỗ tập-rèn thực-tế cho thật tinh-thực, hầu có một mai về đất nước nhà, thao-luyện anh em xung sát với thực-dân là quân cường địch tử thù của mình, mới khỏi những điều thất thố. Chỗ dụng tâm của các ông thật xa mà cũng thật khổ vậy.

Hai là muốn đem máu mình đổi lấy cho Tổ-quốc sự cứu giúp của Trung-hoa đối với bà con.

Điều mong-mỏi ấy tuy quá tin-cậy vào tình-cảm, nhưng mà thâm vọng của phần nhiều chí-sĩ Đông-du ba, bốn chue năm trước thật là như thế.

Nó phát ra từ cái kiến-giải này, duy-tâm mà cũng có duy-vật. Hai dân-tộc Hoa, Việt ở kề lưng sát nách nhau trên góc Đông Á này, trải bốn nghìn năm liên lạc khăng khít về chủng-tộc, về văn-hóa, về lịch-sử, về phong-tục lễ-nghĩa, đến nỗi Việt-nam như là một phần Trung-quốc chia ra, mà sự thực cũng quả như vậy. Một khi Trung-quốc cách-mạng thành công, chẳng lẽ không nghĩ đến người hàng xóm miền Nam; hơn nữa, người bà con, em út, đang bị xiềng-xích nô-lệ mà không ra tay tháo gỡ cứu giúp cho nhau?

Thử xem bề Đại-tây cách-trở mệnh - mông, thế mà cuối thế - kỷ có người hiệp-sĩ Pháp là Lafayette đứng lên mộ hàng nghìn chiến-sĩ, sang tận Mỹ-châu giúp sức cho Hoa-thịnh-dốn đánh đuổi quân Anh.

Xây-dựng Mỹ-quốc độc-lập. Ấy là một giai-thoại anh-hùng, thế-giới đều biết. Báo-đáp cái nghĩa-cử ấy, trong trận Âu-chiến 1914 - 1918, trước khi Mỹ-quốc gả nhập đồng-minh, đã có vô số người Mỹ tự nguyện dấn quân sang đánh giúp Pháp; họ đến viếng mộ Lafayette đặt vòng hoa và nói câu vẫn-lất thâm tình này: « Chúng tôi đã đến đây, Lafayette ! » (Nous voici, Lafayette !)

Các chí-sĩ Đông-du nhà ta, nhất là những người đã tốt-nghiệp quân-sự như ông Lập Nham, người có tài cao thì cầm quân như ông, kẻ có sức khỏe thì đăng lính khá nhiều, hoặc biết chữ thì sung vào việc bí-thư trong quân-đội; ai nấy sốt-sắng đóng góp

chút ít hơi sức vào buổi đầu Trung-hoa cách-mệnh là trông cho đảo trả mặt sẽ thấy một ngày rất gần có những hiệp-sĩ Trung-hoa vác súng qua đây mà nói :

« Chúng tôi đã đến đây, hỏi bạn Việt-nam ! »

Hướng chi, môi hở răng lạnh, Việt-nam bị Pháp chiếm-cứ tức là các tỉnh Vân, Quảng nước Tàu luôn luôn bị đóm-ngó, uy-biếp. Trái lại, Việt-nam độc-lập tức là hàng rào miền nam Trung-quốc được kín-đáo, chắc chắn ; thế thì Trung-quốc giúp Việt-nam được giải-phóng cũng là một việc tự cứu vậy.

Ấy trong ba năm 1911, 1912, và 1913, ông Lập Nham phục dịch trong quân đội Trung-hoa, là cốt vì tiền-dồ tổ-quốc, chứ không phải vì mình. Những chiến-sĩ cách-mệnh như ông chẳng phải cầu lấy vinh-dự đóng quan ba, quan tư bên Tàu, hồng sau về nước huyện-dậu khoe-khoang với bà con ; vì như lắm bạn thanh-niên sau này được học qua năm, bảy tháng hay một hay năm ở trường võ-bị Hoàng-phố, rồi khi về gặp ai cũng tự phò-trương : ta là cựu học-sinh Hoàng-phố đây !

Nhưng rồi ông chán-chường thất vọng, bởi thấy nội-tình Trung-hoa rối bết, mình chẳng trông mong gì được. Điều tin-cậy chất-chứa trong tâm-não ông và các bạn đồng-chi, lúc trước nồng-nàn bao nhiêu, bây giờ nguội-lạnh đi bấy nhiêu.

Nội-tình Trung-hoa lúc này thật nát-bét như tượng. Quân hùng, cát cứ, nam bắc phân tranh, cảnh tao loạn không khác gì thời đại Xuân-Thu, Chiến-Quốc. Tiếng là chính thể Cộng-hòa, có tổng-

thống, có quốc-hội, nhưng tổng-thống, quốc-hội chỉ ngồi hư vị, ôm hư danh, hiệu-lệnh chẳng thi-hành với ai được. Trung-ương tập quyền biến ra địa-bàn chuyên chế. Mỗi vị đốc-quân có mấy chục vạn quân trong tay, chiếm giữ một vài tỉnh làm chủ : thu thuế, bỏ quan, trị dân, xử kiện, tha hồ làm mưa làm gió, tác oai tác phước, không thuộc quyền Trung-ương, mà Trung-ương cũng chẳng làm gì được họ. Đã thế, họ lại còn sinh sự nội chiến, khói lửa tứ tung, làm cho đời sống của dân điêu-đứng khổ-sở vô cùng.

Thấy nội tình Trung-hoa như thế, ông Lập Nham sinh chán, vì mình phục dịch hy-sinh, là cốt mong họ trả lại nước ta bằng sự giúp-dỡ, nay bản-thân họ xem ra tự cứu không xong, còn cứu giúp được ai ?

Thôi chẳng tòng-cậy được người, vận-mệnh mình, tự mình phải lo lấy, cứ việc kiệt tận nhân lực với tổ-quốc đồng-bào, dù chết cũng cam.

Ông bèn từ chức ở Hán-khẩu, trở về Quảng châu, tìm kiếm đồng-chi Việt-nam đã lập thành cơ-sở ở đó, chính do Sào Nam tiên-sinh phụ trách.

Không ngờ cơ-quan đã bị phá vỡ, do cuộc giao-thiệp khôn-khéo của toàn-quyền Sarraut với Long tế Quang, đó đốc Quảng-đông lúc ấy. Nguyên-nhân tự hai vụ ném bom ở Thái-bình và Hà-nội mùa hạ năm 1913 mà thủ-phạm đều là người ở ngoài phái về. Long tế Quang vừa được hồi lộ nhiều, vừa sợ Pháp uy hiếp, liền hạ lệnh giải tán cơ-quan cách-mệnh Việt-nam tại Quảng châu, và bắt giam những tay trọng-yếu. Vì thế, trước đó tám ngày, hai ông Sào Nam và Mai Lão Bạng bị tổng giam vào ngục

lỗi ; nỗi lo họ Long giao trả về Đông-dương cho người Pháp kết án luận tội, lúc nào cũng ngom-ngóp như có lưỡi gươm kề cổ. Còn các đồng-chí thì tan-tác mỗi người một nơi tìm phương đào thoát.

Phần lớn chạy về Quế-lâm, thủ-đô Quảng-tây giáp giới đất nhà.

Ông Lập Nham cũng đi Quế-lâm và Nam-ninh tìm gặp đồng-chí để mưu hành-động. Lúc này việc lớn có cơ làm được. Cuộc diện Âu-châu bắt đầu sôi nổi, Đức ngấm tống động-viên, sắp-sửa đánh Pháp đến nơi.

Đồng-chí ta ở Quế-lâm đọc báo thấy tin Âu-châu như thế, nhận là cơ-hội khả-thừa cho tổ-quốc. Các ông bàn-định nhau kinh-doanh một số tiền to, phần mua phần mượn khi-giới của các đảng cách-mệnh Tàu, mộ dân Tàu ở biên-giới, tổ-chức thành mấy đội quân phục-quốc, đã có ông Lập Nham và mấy đồng-chí nữa có học-thức, có kinh-nghiệm quân-sự, lĩnh việc huấn-luyện, chỉ-huy. Rồi ta khởi binh tự biên-giới đánh sang thượng-du Bắc-bộ, chiếm lấy mấy nơi làm căn-cứ, hỏ hào dân-chúng dấy lên, nội ứng ngoại hợp, cùng đánh kẻ thù, trong khi chúng phải bối rối về việc tổ-quốc bị công-kích nguy-ngập.

Công-cuộc đảng ta đang bố-tri tiến-bành, ai nấy điều đem hết tâm-lực, cầm chắc thế nào cũng sẽ thi-thố như nguyện ; ngờ đâu lại bị thủ-đoạn ngoại-giao của người Pháp làm cho việc ấy thành ra giấc mộng.

Người cầm quyền ở Quảng-tây hồi bấy giờ—

hình như đốc-quân Lục vinh Đình nếu không phải chúng tôi nhớ sai — đã hứa giúp-đỡ cách-mệnh Việt-nam, rồi trở mặt nhận hối-lộ của người Pháp mà thẳng tay bắt bớ chí-sĩ ta, phá-hoại mưu-đồ ta, có lẽ chỉ còn gang tấc cách xa thực-hiện.

Nhiều người may-mắn hay tin trước, vừa kịp thoát hiểm ; trong số ấy chính ông Lập Nham là một.

Vào khoảng giữa năm giáp-dần (1914) ông lên về nước, trong ý quyết định thủ-xương một cuộc khởi nghĩa ngay ở đất nước nhà.

Đổi tên khách, ông đáp tàu ở Hương-cảng thẳng về Sài-gòn, vào Chợ-lớn ở trà trộn giữa xã-hội Hoa-kiều dọ-thám tung-tích đồng-chí.

Hồi này có nhiều nhà cách-mệnh Bắc-hà bị người Pháp an trí ở Nam-bộ : ông Nguyễn Quyền tức Huân Quyền nguyên giám-đốc trường Đông-kinh nghĩa-thục bị an trí ở Bến-tre, sau khi ở Côn-lôn được thả về ; ông cử Dương bá Trạc ở Long-xuyên, Võ Hoành ở Sa-đéc ; còn nhiều người khác tản-mát ở khắp Lục-châu ; tiếng là mỗi người được ở một nơi tự do, nhưng con mắt cú-vọ của ty trinh-thám luôn luôn giám thị gay-gắt.

Chính cụ cử Nhị-khe đã bị đưa qua Nam-vang an trí hơn một năm vì những việc bạo-động xảy ra ở Bắc-bộ năm 1913 ; cụ bị bắt rồi bị đày sang kinh-đô Cao-miên giữa lúc sắp sửa lên đường khứ-quốc Đông-du.

Tuy nhà đương-cục Pháp khéo dùng cách phân-quần ly cư, bắt mỗi người ở một chỗ và xem xét

nhất cử, nhất động rất nghiêm, nhưng các nhà cách-mệnh ta có tai mắt xếp-dặt các nơi, vẫn có những phương-pháp mật-nhiệm khôn-ngoaan để cùng nhau trao-đổi tin-tức thanh khí. Chẳng những trao-đổi giữa đám quần thúe hay các đồng-chí ở Nam-bộ mà thôi, lại thường giao-thông âm tín với các bạn ở hải-ngoại không lúc nào đến nỗi đoạn tuyệt.

Ví dụ, ông Ba Tiêu — cũng là người bị an-tri — mở hiệu thợ giặt ở cầu Khánh-hội, gần bến tàu tức là bộ giao-thông cho các đồng-chí trong nước với hải-ngoại, do những đám người làm việc dưới tàu biển phụ-trách tin đi mỗi về. Ngay trong ty mật-thám Pháp ở Sài-gòn đảng ta cũng dặt người tâm-phúc xen-lộn vào làm việc, bề ngoài rõ là viên chức trung-thành, mà bề trong chính là tay phản-gián-diệp và là tai mắt của đảng ta đấy. Nhiều hiệu khách ở Chợ-lớn và Lục-tỉnh cũng sẵn lòng tiếp thu hay phát đệ thư-tín hải-ngoại hộ ta.

Nhờ có những cuộc xếp-dặt như thế các ông Kỳ-ngoại-Hầu, Võ mẫn Kiến, Phạm cao Đài v...v... từ bên Nhật, bên Tàu đi về Nam-bộ nhiều phen đều được an toàn vô sự. Những bạn đồng-chí ở Côn-lôn vượt ngục trốn về, miễn là bám churen lên đất Nam-bộ, tức thì chắc chắn có chỗ nương thân, có người bao bọc. Hễ năm được đầu mỗi là lần ra tất cả sợi dây liên lạc.

Cũng nhờ có những cuộc xếp-dặt bí-mật như thế, ông Lập Nham từ hải-ngoại trốn về ở Sài-gòn, Chợ-lớn có mấy hôm, liền tìm ra tung-tích ông Dương bá Trạc hiện bị an-tri tại châu - thành Long-xuyên.

Họ Dương, sau khi tiễn bạn Lập Nham ở Móng-cáy xuất dương, như ta đã biết, trở về Hà-nội tham gia một phần đặc lực vào phong trào Đông-kinh nghĩa-thục, hồi 1907, và các cuộc hoạt-động phản-đối ở Bắc mấy năm kế đó. Đến năm 1909 bị kết án và bị đày ra Côn-đảo; chung vào một đoàn dài Văn-thân Trung, Bắc như các ông Huỳnh thúc Kháng, Ngô đức Kế, Nguyễn Quyền, Lê Đại v.v... Hơn một năm sau, Dương và mấy bạn đồng án vì việc Đông-kinh nghĩa-thục, cũng được thích-phóng ở Côn-đảo, nhưng về an-tri ở Nam-bộ, cũng như giam lỏng mỗi người một nơi; chứ không được về Bắc.

Đến năm giáp-dần (1914), có vụ đánh phá khám lớn Sài-gòn, Dương ở trong số tình nghi, bị bắt giam mấy tháng, sau được tha về an-tri ở Long-xuyên như cũ. Có điều lần này phải ở một căn nhà gần kề sở cảnh-sát cho họ tiện canh-gác đêm ngày và bị cấm tuyệt giao-du đi lại với bất cứ ai.

Ấy thế mà ông Lập Nham xuống Long-xuyên gặp mặt bạn cũ và cùng các đồng-chí cách-mệnh Nam-bộ luôn mấy đêm ngày thảo-luận kế-hoạch cứu quốc.

Ông đến ở nhà đồng-chí Nguyễn thượng Khách ở làng Mỹ-phước gần châu-thành Long-xuyên. Nhà ở tỉnh này, phía sau đều có ngòi lạch thông nhau, lính-kin chẳng khi nào đi tuần-phòng tới; ngòi lạch ấy là đường giao-thông rất tiện cho nhà cách-mệnh.

Mỗi đêm, thượng Khách sai gia-đình chèo một chiếc xuồng con đi đón Dương đến nhà mình hội đàm với Lập Nham và nhiều đồng-chí khác.

Cuộc hội-đàm kéo dài luôn bốn năm ngày chỉ

bản-soạn có một vấn-đề mà ai nấy cùng om-ấp trong lòng, là phương-châm khởi nghĩa đánh thực-dân.

Các ông bàn xét với nhau vấn-đề trọng-yếu ấy đủ các phương-diện.

Về cơ-hội, anh em đồng ý rằng lúc này chính là lúc ta nên thừa thế phần khởi. Quân thù ta hiện đương vướng chùn vào họa chinh-chiến ở đất nước họ, mà xem thế càng ngày càng nguy, hẳn không thể nào khuynh tâm tận lực đàn-áp ta được như trước. Ta cứ phất cờ độc-lập, nổi hiệu tranh-dấu, khoa động tất cả tầng lớp xã-hội trong nước dậy lên ủng-hộ; trước hết tự mình tỏ-bày ý-chí tự-do, tinh-thần kháng chiến của mình ra, rồi hãy trông-mong thiên hạ giúp-đỡ. Chẳng ấy, chính những địch-quốc của Pháp sẽ vì chiến-thuật có lợi cho họ mà họ phụ-trợ ta cũng nên.

Nhưng hiện-thời liệu ta có đủ lực-lượng để khởi nghĩa không?

Trước câu hỏi này, có ông nói từ ngày khởi lên chiến-tranh ở châu Âu, người Pháp đã đem và sẽ phải đem nhiều binh lực của họ về Tây, ở đây không còn mấy chút, có lẽ nào ta không đương đầu nổi ư?

Trái lại, ông Lập Nham là người từng được học việc binh tân-thời, từng có kinh-nghiệm về quân-sự, chiến-trận, cho nên ông hiểu rõ năng-lực của mình đến đâu và lực-lượng quân thù ra sao?

Ông nói: « Chúng ta phải tri bỉ tri kỷ trước khi bắt tay vào việc; chớ có khinh thường lực-lượng kẻ thù ta! Tuy chúng có đưa bớt binh lực

về Pháp cũng còn dư quân-linh khi-giới để phòng-thủ Đông-dương. Quân-linh khi-giới ấy chắc không địch nổi một cường-quốc như họ, đến đây xâm-lãng thì có; chứ không khó-khăn tiêu-diệt những đạo binh ô-hợp và không luyện-tập của ta. Bởi vậy, nói khởi nghĩa tức là giải quyết vấn-đề quân-sự. Cố-nhiên phải lo nhiều phụ-thuộc; khi-giới, tài-chính, lương-thực, tuyên-truyền, v. v... nhưng cần nhất là chiến-sĩ phải có luyện-tập thuần-thục mới được! Đến quân-sự thừa xừa, người ta chỉ cốt có bấp thịch sai khiến nổi ngọn mác, thanh gươm, thế mà còn phải rèn-tập công-phu mới thành tên lính, mới đi ra trận được; huống chi với chiến-thuật đời nay!

Cử tọa điều nhận ý-kiến ông là xác-thực. Vậy phải tính kế chắc chắn, rồi hãy cử sự; nhất là về binh-lực cần phải luyện-tập, nếu không thì lại hóa ra chuyện sương mai hoa đèn như những lớp trước. Âu-chiến chưa thể kết-thúc ngay được đâu, tất còn kéo dài năm ba năm nữa, ta cứ dự-bị hảo-hoại, sẽ có dịp xướng nghĩa diệt thù mong đến thắng lợi.

Kết-luận, đồng-chí dự hội đều tán-thành kế-hoạch (« khẩn-điền, luyện-quân ») ở bên Xiêm, giao cho ông Lập Nham phụ trách huấn-luyện.

Người Việt-nam ta sang kêu-ngụ đất Xiêm vốn đông, chia ra nhiều hạng, mỗi hạng sinh-tụ riêng một khu, gọi là xóm.

Những người ở xóm Bang-pho gần kinh-thành Bangkok, hầu hết là con-cháu dám dân đi tránh nạn Tây-sơn, theo vua Gia-long sang tự cuối thế-kỷ XVIII. Trừ ra ông già bà cả còn nhớ gốc-tích cũ,

kỳ dư đã đồng hóa với người Xiêm. Họ ở riêng thành mấy làng, nhiều người kinh-doanh buôn-bán trở nên giàu-có.

Người ở xóm Kinh là người di-cư sang sau người xóm Bang-pho. Trong đó có một số là họ-ha cụ Phan Đình Phùng kéo sang từ 1895. Sau khi cụ Phan qua đời, nghĩa-bình tan rã, họ không chịu hàng-phục người Pháp, đưa nhau qua Xiêm sinh-tụ từ đó đến nay, vẫn nói tiếng mẹ đẻ.

Còn người ở xóm Xiêm là tin-dờ Thiên-chúa, trải mấy triều vua Minh-mệnh, Thiệu-trị Tự-dức, họ trốn nạn cấm đạo trong nước mà chạy sang Xiêm, phần nhiều sinh-nhai về nghề chài lưới.

Đến khoảng 1908 — 1909, Sào Nam tiên-sinh xin được nhà đương-cục Xiêm cho khai-khẩn một số ruộng ở Ban-thăm, tụ-hợp những thanh-niên cường-tráng không chịu làm nô-lệ Pháp, sang đây ở phá rừng làm ruộng để đợi thời cơ. Có lúc Sào Nam tiên-sinh bắt đắc chi ở Nhật và ở Tàu, đã sang Xiêm ở đồn-diền Ban-thăm một độ, cùng anh em chia xẻ khó-nhọc, cuốc đất, trồng cây, khi rảnh thì viết văn cổ-động cách-mệnh gửi về nước. Cho đến năm Tân-Hợi (1911) cách-mệnh Tàu thành công, tiên-sinh mới trở về Trung-quốc.

Nay cuộc hội-nghị cách-mệnh ở Long-xuyên cũng quyết định theo đuổi kế-hoạch ấy, nhưng mở-mang rộng lớn hơn nhiều.

Các đồng-chí cũ ông Lập Nham chuyển này ra ngoài, đi ngay sang Xiêm, lập một nơi làm ruộng đồn-cây to tát, chiêu-tập hết anh em các nơi về ở cả đây; lại chọn-lựa những dân mình hiện kiều-ngụ ở

Xiêm, có ai còn nhớ tới tổ-quốc thì cùng quy-tụ lại tất cả lấy năm ba ngàn người; bề ngoài chuyên việc thực-nghiệp mà bề trong thì huấn-luyện quân-sự. Số tiền cần dùng để kinh-doanh, đồng-chí Nam-hộ sẽ quyên góp, vận sang bao nhiêu cũng có.

Ông Lập Nham cùng mấy đồng-chí nữa cùng có quân-sự học-thức như ông, sẽ ở bên Tàu đưa sang, cùng ra sức rèn-tập cho năm ba ngàn người ấy thành một toán quân cường-kiện, xứng đáng là những chiến sĩ tiên-phong. Rồi thì tình-mở cơ hội sẽ mưu với người Đức hoặc một cường-quốc khác, bán khi-giới cho mình, bấy giờ nhất cử kéo về, nổi hiệu cờ quang phục.

Kế-hoạch nhất định với nhau thế rồi, ông Lập Nham từ-giã anh em, lên đường đi Xiêm.

BỊ BẮT Ở HƯƠNG - CẢNG

Ông từ-giã Long-xuyên xuống tàu thủy lên Nam-vang thăm cha già đã cách-biệt lâu năm ; rồi sẽ từ Nam-vang đi đường bộ lên Battambang qua Xiêm rất tiện.

Hồi đó là mùa thu năm giáp-dần (1914).

Năm trước, xứ Bắc có hai vụ ám-sát chính-trị phát ra liên-tiếp trong vòng nửa tháng, là vụ ném bom giết tuần-phủ Nguyễn duy Hà ở Thái-bình và hai võ-quan Pháp ở cửa Hà Nội — Hôtel. Người Pháp nhận thấy trong những hành-động táo-bạo ấy rõ-ràng có linh-hồn và cánh tay của phái Đông-du, mà vây-cánh thế-lực tràn lan hải-ngoại lẫn trong nước, cho nên lại ra sức đàn-áp. Một mặt giao-thiệp khôn-khéo với nhà cầm-quyền ở các tỉnh biên-giới nước Tàu là nơi chi-sĩ Việt-nam mượn làm căn-cứ hoạt-động, muốn bắt tất cả những người đáng để ý nhất hồi bấy giờ như Sào Nam, Cường Đê, Mai Sơn, Nguyễn Hải Thần, Hồ tùng Mậu, Lương Ngọc Quyến, Hàn Minh v.v... Một mặt khác thẳng tay trừng-trị văn-thân nghĩa-sĩ trong nước. Lúc ấy cụ cử Nhi-khê sắp-sửa lên

đường Đông-du thì bị người Pháp hạ ngục. Hội-đồng Đê-hình cuối năm ấy đem ra vấn tội một xâu dài chính-trị-phạm, kết án 14 tử hình (trong số đó 7 người xử tử vắng mặt là Sào Nam, Cường Đê, Nguyễn văn Thụy tức Hàn Minh, Nguyễn bá Trác, Lương Ngọc Quyến v.v.), 1 án chung thân khổ sai, 10 án cấm cố, 13 án lưu đày, trong ấy cụ cử Nhi-khê là một.

Người Pháp đưa cụ sang Nam-vang an trí ; thời hạn là 10 năm.

Mỗi việc xảy ra như thế, ông Lập Nham ở hải-ngoại đã được tin-tức đồng-chí trong nước thông báo cho biết.

Vi thế nay có dịp về Nam-bộ cùng anh em bàn về việc kinh-doanh bên Xiêm và được ủy-nhiệm xếp-đặt việc ấy, ông muốn đi đường bộ sang Xiêm cho được ghé qua Nam-vang.

Sau khi ông lên đường, anh em đồng-chí ở Nam-bộ liền mở cuộc quyên góp được một số tiền lớn, có thể đủ dùng cho kinh phí buổi đầu, rồi sau sẽ trừ khoản tiếp tế thêm. Số tiền ấy sẵn-sàng chờ đợi có tin bên Xiêm về thì đáng phái người sang ngay.

Chẳng dè càng mong càng bất, một tháng, hai tháng, cho đến ba tháng, bốn tháng cũng không nhận được tin-tức gì cả.

Ái nấy đều lấy làm lạ, tỏ ý lo-ngại, nhất là anh em đã giao-ước thông báo tin-tức cho nhau luôn, do mỗi kỳ tầu Sài-gòn, Bang-kok có người trong đảng nhận-lĩnh thư-từ, mà hiện thợ giặt Ba Tiêu ở cầu Khánh-hội tức là nơi bí-mật chuyển đệ.

Mọi người trông-ngóng sốt ruột, phỏng đoán một cách.

Việc giao-thiệp khó-khăn, hoặc chưa tìm ra khu đất nào thuận-tiện vừa ý chăng ?

Có lẽ thế. Nhưng ở bên kia Cửu-long-giang, về địa-hạt Xiêm thiếu gì đất hoang, người ta có thể xin khẩn lúc nào chẳng được ? Và lại, ta đã có sở ruộng Ban-thăm và sẵn có đồng-chí tụ-hợp, nay muốn mở-mang lớn ra, việc bàn-tính sao phải lâu lắc đến thế ?

Hay là Lập Nham đi thẳng sang Tàu rồi chăng ?

Cũng có lẽ. Nhưng có đi đâu phải báo cho anh em ở nhà biết chứ.

Không ai nghĩ tới sự bị bắt, vì ông về nước với thông-hành hộ chiếu Trung-hoa và hành tung giữ cực bí-mật chắc không thể xảy tới sự không may.

Đồng-chí Nam-bộ mong đợi mãi đến tháng tư năm sau (tháng năm 1915) có người ở Hà-nội vào nói cho anh em biết cái tin sét đánh :

— Lập Nham bị bắt rồi !

— Khờ chưa ! Thảo nào chúng tôi càng trông tin càng biệt. Bị bắt ở đâu ?

— Bị tụi trình của Pháp lừa bắt được ông tại Hương-cảng, đã giải về Hà-nội giam trong hỏa-lò.

Những người quen biết và hiểu rõ chí-hướng của ông khi nghe tin đều phải ngậm-ngùi than thở :

— Đáng tiếc ! Đáng tiếc ! Thế là kế-hoạch (doanh-diễn, luyện binh) của chúng ta tiêu tan và nước nhà lại mất thêm một tay tráng-sĩ !

Thật-thế, ông bị bắt ở Hương-cảng.

Thì ra ông lên Nam-vang mới ở có mấy ngày, cùng cha già em bé chưa được thỏa tình mười năm ly-biệt, đã có tin mật-báo cho hay rằng người Pháp hiện đang tìm-nã ráo-riết, vì hành-tung bậ lộ mất rồi, nên kịp xa chạy cao bay, không thì nguy-hiêm.

Đã thế thì một giờ lưu lại Cao-miên tức là một giờ hiểm-nghèo, ông vội-vã tìm cách tâu thoát. Đầu tiên định chạy thẳng qua Xiêm là nơi đã mục-dịch nhằm từ trước, chỉ cách Nam-vang có một ngày đường ô-tô là đến biên-giới.

Nhưng lại nghĩ tung-tịch đã bại-lộ, người Pháp tất đã báo tin và giăng lưới khắp nơi, bây giờ sang Xiêm cũng nguy mà phần nguy lại có lẽ nhiều hơn. Vì bà con ta thù-ghét chính-sách đỏ-hộ, trốn sang ở Xiêm nhiều, cho nên người Pháp tổ-chức công việc do-thám rất chặt-chẽ ; ngay trong sứ-quán Pháp tại Bang-kok có một cơ-quan riêng để trình sát hành-động của phái Việt-nam phản-đối, không ai không biết. Từ trước, vô số người bỏ-đào đã sa vào lưới ấy mà kẻ làm ngư-ông chính là một người đồng-bào trung-thành với Pháp.

Nay muốn thoát hiểm mà lại chạy sang Xiêm, khác nào con cá dưới sông hồ tự nhảy lên, đặt mình trên thớt của chủ đầu bếp.

Thời thì công-việc mưu toan bên Xiêm để một vài tháng nữa sẽ hay. Giờ phải tìm cách thoát thân đã. Thân còn thì công-việc ấy sớm muộn cũng có dịp thi-thố, nếu để mình lọt vào tay kẻ thù thì mất cả tự-do, tuyệt hẳn hy-vọng.

Ông Lập Nham suy-nghĩ thế rồi, trở xuống Sài-gòn, lẩn lút ở Chợ-lớn hết vài tuần, mới thu xếp được với bọn thủy-thủ khách dưới tàu họ đem đi trốn sang Hương-cảng.

Một khi đã trốn được xuống tàu, ra khỏi Ô-cấp (Cap Saint Jacques) là ra ngoài vòng con mắt bàn tay của bọn thám-tử; lại sang Hương-cảng là tổ-giới Anh thì hẳn không lo có điều gì bất trắc xảy đến. Chẳng phải nước Anh nổi tiếng tôn-trọng tự-do nhất thế-giới và hay bao-bọc chính-trị-phạm quốc-tế ư?

Kỳ thật, họ chỉ khéo giả nhân giả nghĩa. Hễ là tội thực-dân chuyên môn đi giành quyền cướp đất thiên-hạ mà sống, thì dù ở đâu cũng một lò, một khuôn đúc ra. Bao giờ họ cũng bèn-h-vực giúp-đỡ lẫn nhau, chớ nghĩ chính-trị phạm nào đến núp dưới bóng cờ họ mà họ tôn-trọng công-pháp không bắt họ nhau. Trong vòng 40 năm nay thiếu gì nhà hôn-tàn quốc-sự ta, như Đặng tử Kinh, như Tạ thu Thâu, đã bị cảnh-sát Anh bắt ở Hương-cảng, ở Tân-gia-ban, hoặc ở tổ-giới Thương-hải, rồi giao trả cho Pháp. Tội-nghiệp chúng ta đặt bao nhiêu hy-vọng vào các nước Đồng-minh dân-chủ, rồi phải ngán người trắng mắt với nhau khi được trông thấy chính người Anh che-chở diu-dắt cho bọn thực-dân cướp lại Nam-bộ.

Cuối năm giáp-dần, ông Lập Nham cũng vì tin ở người Anh tôn-trọng quốc-tế công-pháp đối với chính-trị-phạm, cho nên đến Hương-cảng tức là đưa mình vào miệng con cạp dữ.

Ông lên bờ, ngụ vào một nhà trọ quen, trong

trí đang mừng thầm đã thoát khỏi nguy-hiểm và yên-ôn xếp-đặt hành-trình đi Xiêm nay mai, bỗng một tảng sáng, lính cảnh-sát trình-thám Anh rần rộ vây nhà bắt ông và dẫn đi.

Trước mặt viên cảnh-sát-trưởng Anh ông giữ thái độ rất trấn tĩnh, không lộ vẻ gì lo-lắng, hoảng-hốt, một hai nói mình là người Tàu làm ăn lương thiện, tự-nhiên bị bắt là nghĩa làm sao?

— Anh là Lương Ngọc Quyến, người Việt-nam bị kết án bạo động! Viên cảnh-sát-trưởng nói.

—Ồ! Các ông bắt lão. Tôi chính là Lương Lập Nham, người Trung-hoa.

Mặc ông chối cãi, ty cảnh-sát chính-trị Anh cứ cho giải đến đối chất ở lãnh-sự-quán Pháp. Sự thật chính viên lãnh-sự Pháp nhờ mật-thám Anh ở Hương-cảng bắt họ, theo điện-văn của chính-phủ đô-hộ Đông-dương thỉnh cầu.

Tại đây, ông cũng một mực bình-tĩnh, đưa ra họ chiếu nọ, chứng-tá kia, hết sức hiện-hach mình không phải người Việt-nam, mà thật là người Trung-quốc. Đã là người Trung-quốc, lại không hề phạm tội gì ở Hương-cảng, hơn nữa không có chuyện gì dính-dáng với Pháp, thế mà người ta bắt-bớ giam-cầm một cách vô-cớ, té ra khinh-miệt chủ-quyền Trung-quốc, xâm-phạm cá-nhân tự do mà xưa nay hai nước Pháp, Anh vẫn khoe tuyệt đối tôn-trọng và bảo-hộ; thêm vào đó xâm-phạm cả quốc-tế công pháp nữa. Vậy thì họ phải lập tức trả lại tự do cho ông; hay là nếu họ còn có chỗ ngờ-vực không tin, phải giao trả về nhà đương-cục Quảng-châu xử lý, chứ họ không có quyền bắt giam ở đất

Trung-hoa một người Trung - hoa vô tội thế này. Kết-thúc, ông nói sự bất giam ngang-ngược này có lẽ sinh chuyện phiền-phức về ngoại-giao, vì Trung-hoa Dân-quốc chẳng phải đầu nhu - nhược như Mãn-thanh lúc nọ, quyết không nghe cho một tên dân nước mình bị bạc-dãi lạ lùng đến thế.

Đại-khái những lý-do ông dẫn ra cứng-cỏi, hợp lẽ, mà thái-độ lại ung-dung, thần sắc bất biến, có lúc gieo mầm phân-vân lương lự vào đầu-óc viên lãnh-sự Pháp.

Người chủ nhà trọ và mấy người ban Tàu ở Hương-cảng cũng sẵn lòng đến làm chứng họ ông quả là công-dân Trung-quốc trăm phần trăm.

Song một sự ngẫu-nhiên, một điều bất ngờ, tự nhiên vung tay hất đổ tất cả, và nó làm chứng trái hẳn, không còn cỡi vào đầu được nữa.

Ông bị bắt sau một hai hôm, thì bào-đệ là ông Nghị Khanh — cũng đi học bên Nhật, thụ-nghiệp ở trường Đông-văn thư-viện, nghiên-cứu về kinh-tế, như một chương trên kia đã nói, — tự Hoàn-lân về đến Hương-cảng.

Nghị Khanh ở dưới tàu thủy lên, chỗ hai, ba rương hòm sách-vở hành-lý đến nhà trọ của anh. Bấy giờ mới biết sự-tình anh đã làm nạn. Người vốn ốm sẵn, Nghị Khanh thấy nhà trọ anh chật chội không thể ở chung, bèn gửi tạm hành-lý ở đó, tất tả đi Cửa-long tìm nhà đồng-chí Tàu lấy nơi trú-ngu dưỡng bệnh, đồng thời loan báo họ ra sức vận-động thế nào giải thoát cho anh, chậm-trễ thì hỏng.

Trong thời-gian ấy, cảnh-sát Anh thành linh đến khám-xét ngu-sở ông Lập Nham chắc định tìm lấy mảy may dấu-tích gì chứng-tỏ ông quả thật nhà cách-mạng Việt-nam mà Pháp yêu-cầu bắt họ. Nếu không có mảy may gì, tất họ trả lại tự-do cho « chủ khách » đã bị bắt oan, bắt lầm và xin lỗi khôn khéo một hai câu cho xong chuyện, chứ không thể cầm giữ mãi được.

Bất đồ mở tới mấy rương hành-lý Nghị Khanh đã gửi, họ vớ được vô số tang-vật chỉ tỏ ra « chủ khách » ta địch thị Lương Ngọc Quyến, đảng-viên cách mạng Việt-nam mà họ bắt đúng. Cuộc khám-xét này thành công và có ý-nghĩa cho họ, như phát ra một mũi tên mà hạ được cả đôi chim to ; vì chủ mấy cái rương hành lý bọn thực-dân Pháp cũng muốn đặt tay vào cổ nhân thể.

Thì ra bao nhiêu hình-ảnh thư-từ anh gửi cho em trong khoảng mấy năm gần đó, Nghị Khanh đều giữ lại trân-trọng, coi như vật kỷ-niệm quý-báu thiêng liêng ; cả mấy bức ảnh khi hai anh em còn học với nhau ở Đông-kinh, và khi ông Lập Nham còn đóng thiếu-tá trong quân-đội cách-mạng Hán-khâu cũng có.

Từ giờ phút ấy, ông thái-nhiên nhận lấy số mệnh không may, chẳng nói gì nữa.

Mấy hôm sau, nhà đưng-cục Anh ở Hương-cảng — đề che mắt thế-gian và gọi là trục-xuất cảnh ngoại — cho giải ông xuống tàu đưa đi Quán-châu-loan, bí-mật thông tin cho người Pháp đón lấy mà bắt.

Ông bị giam ở Quán châu-loan hết vài tháng, rồi đưng-cục Pháp ở đó giải về Đông-đương vào khoảng tháng hai năm ất-mào (1915)

Đối với chính-trị-phạm quốc-tế, người Anh vẫn có lối giả đạo-đức như thế. Một nhà cách-mạng nước khác đến đất họ quản-trị mà âm mưu hoạt-động gì, họ chỉ bắt giam để xét hỏi rồi đưa ra khỏi địa-phận họ mà tha cho đi đâu thì đi, chứ không kết án làm tội — trừ ra có làm việc gì xâm-phạm đến trị quyền sở-tại — nhất là không giao trả (extrader) cho chính-phủ quan-hệ của nhà cách-mạng ấy.

Bề ngoài họ làm ra vẻ tôn-trọng cá-nhân tự do của chính-trị-phạm quốc-tế như vậy, nhưng bề trong họ ném đá giấu tay, bắt giao người ta một cách gián-tiếp. Tức như trường-hợp ông Lập Nham và nhiều nhà cách-mạng khác đã sa vào lưới giả nhân giả nghĩa của người Anh. Thật thế, bảo rằng họ chỉ đuổi ông ra khỏi đất Hương-cảng, chứ không giao tay cho người Pháp bao giờ; thế sao họ không thả ông vào nội-địa Tàu cách xa có mấy bước, lại phải đưa đi Quảng-châu-loan là đất thuộc Pháp? Chẳng phải họ dụng tâm giao trả ông Lập Nham cho Pháp là gì?

Ông ở hải-ngoại về Nam-phần thỉnh linh giữ-gìn cực kỳ bí mật, trừ anh em đồng chí không ai hay biết gì cả, tại sao người Pháp lại dò ra tung-tích rồi theo dõi cho tới Hương-cảng bắt được mới thôi?

— Ôi! Mười vụ cách-mạng bại lộ mất chín; mười nhà cách-mạng bị thực-dân bắt được, tại có người mình lập công cầu lợi, làm trành (1) cho nó chứ gì! — người này trả lời.

(1) Tương truyền người bị hồ ăn thịt, cái hồn vẫn phải theo đuổi hồ, rình-mò run rủi làm sao, có người khác cho hồ ăn, bấy giờ mình mới được siêu thoát. Đến lượt hồn sau cũng thế. Người ta gọi cái hồn đi bắt mồi cho hồ như thế là « trành ». Nhân đấy thành ra danh-từ chỉ tỏ như kẻ làm mặt-thâm cho quân thù để hại đồng loại

— Khổ nạn! Nhiều khi chính là đồng-chí phản trác khai ra cũng có! — người kia nói và thở dài.

Người khởi nghĩa Thái-nguyên bị bắt, vì tội tránh của thực-dân thả ra tứ tung, mà cũng vì có một bạn đồng-chí phản-trác, mặt báo cả đường đi lối bước cho thực-dân bắt được bạn, để gỡ tội lập công, thêm được phú-quý. Dưới đây các ngài sẽ thấy trong một bài thơ tuyệt mệnh, có một câu tác-giả ký ngụ nỗi buồn đó.

Nhiều nhà cách-mạng đồng thời với ông Lập Nham nay hãy còn đó; các cụ nói trành cho chúng tôi biết rằng: kẻ bắt lương đã bán đứng Lập Nham cho thực-dân, chính là Nguyễn bá Trác.

Nguyễn bá Trác là bạn cùng học bên Nhật một lớp với ông, sau cùng về ở nước Tàu bên tàu quốc sự với nhau, tình thân nghĩa thiết. Lại cùng là một số bảy người bị thực-dân kết án tử-hình khiếm diện cuối năm 1913. Qua đầu năm sau, va đã về đầu hàng và được ở Nam-phần. Va cũng ở Long-xuyên trong khi ông Lập Nham từ hải-ngoại trốn về, mặt-hội đồng-chí ở nhà bạn Nguyễn thượng Khách. Khôn-ngoan và từng trải, va thừa biết Lập Nham là một trong những tay hải-ngoại vận-động rất lợi hại lúc bấy giờ, chắc thực-dân cần bắt và muốn bắt để tiêu-diệt lần hồi vây-cánh thế-lực của phái Đông-dư. Vậy thì bảo bắt người ấy có ba điều lợi cho va: một là dâng món quà hiếm-hoi để mua lòng tin-cậy của thực dân, vì từ khi ra thú, va chưa lập nên công-trang gì; hai là xóa được án cũ; ba là bước đi đến công-danh.

Vì thế sau khi ông Lập Nham từ-giã Long-

xuyên đi Cao-miên, và mật báo cho ty Liêm-phóng biết mà theo dõi? Những người hiểu rõ câu chuyện, nói rằng chỉ chậm độ nửa giờ, ông có thể bị bắt ngay ở Nam-vang.

Muốn sẵn cộp mà hạ ký được, không thì có thể bị cộp vỡ chết mình, và lại vạch rõ cả hành-tung và những nơi trú-ngụ ở hải-ngoại cho thực-dân biết mà săn bắt; dù cho cộp có thoát vòng vây trong xứ thì ra ngoài cũng phải mắc lưới.

Quả-nhiên, sang đến Hương-cảng thì ông bị bắt.

Có người nói một viên-chức ở Lãnh-sự quán Pháp tại Hương-cảng tên là Thu, cũng có công lao trong vụ ấy. Bình nhật, Thu vẫn tới lui quen biết ông Lập Nham một cách thân-thiện; nay hẳn trở mặt, thấy ông đến Hương-cảng, liền mách lãnh-sự Pháp nhờ cảnh-sát Anh bắt họ.

Chúng tôi quên nói lúc ông ở Sài-gòn thoát hiểm về Hương-cảng, trong trí đã dự-định chỉ lưu lại mấy tuần, rồi nếu tình-thế chưa tiện đi Xiêm để kinh-doanh công cuộc « khăn diều luyện binh » thì ông thừa dịp đi Âu-châu, đến tận nước Pháp, cho được thấy rõ văn-minh và lực-lượng kẻ thù ra thế nào?

Việc dự-định ấy, hình như Thu biết. Và mật báo người Pháp tình cách bắt ông ngay. Họ sợ đề ông lọt sang Pháp sẽ bí-mật giao-thiệp và tuyên-truyền cách-mạng trong đám linh mộ Việt-nam, tất là nh.ều sự.

V

MỘT NGƯỜI HIỆP-NỮ

Từ Hương-cảng giải về Bắc, thoát tiên ông bị giam trong xà lim hỏa-lò Hà-nội để chờ xét lại án cũ. Ngày đêm cùm-xích canh phòng cực nghiêm, bất cứ đồng chí hay gia nhân, chẳng ai được phép thông tin, giáp mặt.

Ai cũng lo thời-kỳ chiến-tranh nghiêm-trọng — lúc ấy giữa năm 1915 — có lẽ chính-phủ đô-hộ thẳng tay xử đến cực hình y theo án cũ; vì trong khi xét hỏi, ông đối đáp rất cứng, tỏ mình phản-đối chính-sách thực-dân ra mặt, không cam khuất-phục. Bất quá họ ý sức mạnh cũng đến giết mình là cùng; đời người chỉ chết một lần chứ không có hai.

Trước hết, họ giải ông lên Cao-bằng, ra trước tòa án nhà binh tại đó, để trả lời một vụ đánh cướp đồn lính ở biên-thùy Quế, Việt, mà họ dò biết chính ông là một tay chủ-động.

Toà án binh muốn kết án, nhưng không đủ chứng-cớ, đành phải tha bổng.

Người ta lại giải trở về Hà-nội, giam vào hỏa

lò cho hội-đồng Đề-hình xét lại cái án chính-trị đã xử vắng mặt hơn một năm trước.

Sự thật tòa án thực-dân hẳn - học với phái Đông-du, hẳn vớ được ai là nhằm nhằm làm án thật nặng, không còn thương-xót.

Nhưng với ông Lập Nham, họ không tìm đủ điều-kiện vật-chất tỏ ra ông thật có thiết thực tham gia vào các cuộc cách-mạng bạo động từ 1906 tới đây, cũng chẳng bắt được ông quả tang giữa trận đang cầm súng bắn nhau với người Pháp bao giờ, thành ra không thể xử vào cực hình theo như ý muốn.

Tuy-nhiên họ vẫn đủ chứng-cớ để kết án ông chung thân cấm cố ; vì theo chỗ khám-phá của tội tránh và lời khai của những người bị bắt bấy lâu, ông chính là một phần-tử rất hoạt-động trong vòng năm sáu năm gần đây, đối với chủ-quyền ở Đông-dương của Pháp luôn luôn thù-nghịch và tìm cách phá-hoại.

Dù án đã kết mặc lòng, toàn-quyền Sarraut và chánh ty Liêm-phóng Đông-dương vẫn cho người vào ngục thuyết ông, nếu chịu quy thuận giúp-đỡ chính-phủ, thì án sẽ hủy đi và được trọng-dụng hậu-dãi là khác. Họ hỏi về thực-lực của đảng, nhưng ông kiên quyết không chịu khai. Ông nói :

— Các anh muốn làm gì ta thì làm ! Một người cách-mạng chân-chính không khi nào chịu khuất-phục quân cướp nước.

Sau họ lại đưa ông về Nam-dịnh giao cho viên Công-sứ Tissot người đã dụ-dỗ được rất nhiều người ra thù. Viên công-sứ đối-dãi ông rất tử-tế

không giam-cầm như mọi tù-lợi khác. Ông được đi lại tùy lện, muốn đi ra phố, hẳn sai người đánh xe ngựa để ông đi chơi, ông tự-nhiên mà nhận sự đối-dãi ấy như là mình có quyền hưởng và người Pháp phải đối-dãi như thế ; nhưng hẳn hỏi đến việc đảng và đưa quan-tước ra dụ ông thì ông nhất định không nói và kháng-khải không nhận. Như thế trong ba tháng, liết rằng không thể lay-chuyển được, viên công-sứ gửi trả chính-phủ để xử ông theo luật định

Vì thế bọn cầm quyền giận ghét ông cay-dắng, từ đây có lệnh riêng cho viên giám-ngục đối-dãi cực kỳ tàn-bạo, để ông phải chết lần chết mòn một cách đau-khổ hơn là sự chém.

Họ phát vãng nay đê-lao Sơn-tây, mai nhà ngục Phú-thọ, đến đâu cũng giam cầm trong một xà-lim hết sức chật hẹp, hẳn thiêu, đừng nói ánh sáng, đến ngày không-khí để thở cũng thiếu. Suốt ngày không có một phút được trông-thấy ánh mặt-trời. Còn sự ăn-uống kham khổ và thiếu cả điều-kiện vệ-sinh ở trong các lao-ngục thuộc-địa thì không cần nói. Các nhà văn Louis Roubaud, André Viollis đã tả chân cho thiên-hạ thương thức. Cáo mượn oai hùng, để mang da cọp, lũ thầy-chủ trong đê lao thêm vào cho tù phạm một tai-họa mau chết nữa.

Hơn bốn tháng ở ngục Phú-thọ đủ làm cho ông Lập Nham phát ốm phát điên, bệnh-tình nguy-kịch. Bấy giờ người ta lại giải về hòa lò Hà-nội cấm cố ít lâu, rồi cho tùy ý lựa-chọn lấy một nơi phát vãng.

Ông ngờ ý muốn được phát vãng Tuyên-quang.

Nhưng ông đã không được như ý muốn, họ phát vãng ông lên Thái-nguyên.

Lúc ấy vào khoảng cuối xuân 1916.

Sự đối-đãi ở Thái-nguyên cũng chẳng hơn gì nơi khác, ông bị xiềng cùm ác-nghiệt, hành-hạ tàn nhẫn, đến nỗi bại một bên mình, rồi sau một chun tê-liệt hẳn không tự cử-động gì được.

Đầu tư hung (1) là công-sứ Darles, lúc bấy giờ tọa trấn Thái-nguyên, đối với dân với lính, với tù, thói thì tra tấn, đánh đập, mây tao mắng chửi, hết sức độc ác dã-man. Sau vào Sài-gòn làm báo, làm chủ hãng rượu, có lúc ra tranh cử nghị-viên, bọn cứu-dịch hẳn mới tổ-giác chuyện cũ ra, đặt cho cái tước hiệu là (Le bourreau de Thái-nguyên) và trưng dân bằng có, bảo cuộc bạo-động ở Thái-nguyên năm 1917 chính tự hẳn hung-ác với tù, với lính mà gây nên.

Thuyết ấy cũng có một phần đúng sự thật. Lầu-thông tiếng Việt, hẳn thích được dân vái bầm cu lớn. Tù đi làm cỏ-vê trong dinh sứ cũng như ngoài đường, hay bị hẳn tác oai đánh đập tàn-nhân, cả lính khổ xanh đi theo cũng khổ g tránh khỏi. Nhân tâm chưa đầy phần-khích, như hòm thuốc súng chỉ đợi có người biết châm lửa đúng vào ngòi là phát nổ.

Hẳn đặc biệt nguyên-rủ căm-hờn bọn tù chính-trị, vì họ thường gửi đơn kêu-nài chuyện nọ, yên-xách chuyện kia luôn. Bởi vậy, lúc nghe viên giám

(1) Tư hung : Nhất Đạc, nhì Ke, tam Ma, tứ Bích, tức là Darles, Ec-kert, Delamarre, và Bride, bốn vị công-sứ bạo-ngược xứ Bắc. Bà-con ta gọi là tư hung và xếp thành một câu ca dao.

ngục (Tây) đến báo cáo rằng tên tù chính-trị Ba Quyến mắc bệnh tê-bại và hỏi có nên nói bớt lẹ cùm đôi chút không. Darles hất hàm trả lời, sừng-sộ :

— Mặc kệ ! cứ cùm, chết thì chôn.

Câu nói của tên đầu đảng tư hung — mà sau kẻ thù hẳn đem ra tố-giác trước dư-luận, — phơi rõ trong óc con người ấy không còn chút gì gọi là nhân-đạo. Hẳn cho một người Việt-nam ở tù mặc dầu là chính-trị-phạm, mà lại bệnh-tật què-quặt nữa, là một người không đáng kể

Mà quốc-sự phạm Lập Nhan đến nỗi tê-bại què chừa, là do cách đối-đãi ác-nghiệt của Darles.

Thật thế, hẳn đọc hồ sơ, thấy kẻ lai-lịch là con nhà văn-thân, toàn gia phản-đối thực-dân, lại là thanh-niên Đông-du tốt-nghiệp ở trường võ-bị nọ kia, trong lòng căm-ghét vô kể, cho nên lập tâm hành-hạ đến cùng cực. Ban đầu, hẳn bắt đi làm khổ sai, mà cổ đeo gông, chun mang xích nặng-nề hơn cả anh em đồng nạn. Tự hẳn ra đứng bên đốp việc, sừng sộ ngược-đãi đủ cách, chỉ sợ Ba Quyến thừa cơ tuyên-truyền cách-mạng cho dân-chúng hoặc là đào thoát. Sau hẳn sai dùi thủng ở giữa bàn chun thành một cái lỗ, để buộc giây xích cho được chắc-chắn hơn là vòng quanh cổ chun.

Nghĩ xem, khổ hình ấy không làm nhả cách-mạng Lập Nhan què liệt sao được ? Đến lúc què hẳn, không phải ra ngoài làm khổ sai, nhưng ở trong sà-lim vẫn cùm-xích đêm ngày.

Có ai tưởng-tượng người ấy tuy thân bị nhốt, chun bị què, mà khối óc vẫn lo việc cứu nước, không quên quân thù ? Rất dỗi cứ nằm trong ngục

tối, gán chun vào cùm, mà chủ-trương xếp-đặt một cuộc võ-trang cách-mạng, dần dà cảm-hóa khuyến-khích được ông đội khố xanh Trịnh Cấn kéo cờ khởi nghĩa giữa tỉnh Thái-nguyên đêm hôm 13 tháng 7 năm đinh-tỵ ! (1917)

Nhưng, một đảng là tù trọng-phạm, bị cùm luôn trong xà-lim mà kẻ giữ ngục lại là người Pháp, một đảng là đội khố xanh ở bên trại lính không có quyền-hành gì với đề lao, hai bên cách-biệt hẳn nhau và đều ở dưới con mắt luôn luôn xem xét rình mò, thế thì ông Lập Nham với ông Đội Cấn làm cách gì để trao-đổi thanh khí tin-tức được với nhau mà mưu-tính được một việc, là cuộc khởi nghĩa ?

Chỗ này xuất-hiện một người đàn-bà khôn-ngoa, can-dảm, chịu hy-sinh tất cả thân-thể gia đình cho việc cách-mạng, ta cần phải biết.

Ở trong ngục Thái-nguyên hồi bấy giờ, kể cả ông Lập Nham, có đến chục người quốc-sự phạm. Trừ ông Lập Nham què liệt bị giam-cầm đêm ngày, còn các người khác vẫn phải đi ra ngoài làm việc cỏ vè tùy án nặng nhẹ.

Trong hạng tù ấy, có hai anh em ruột, Cả Thấu và Hai Vịnh (có người nói là Vy) cũng là chiến-sĩ cách mạng còn trẻ tuổi, có tiếng gan-góc, giỏi võ-ngệ, tâm-dịa rất tốt.

Hai người, là con ông cử Phùng văn Nhuận, làng Văn-cốc, tỉnh Sơn-tây, một tướng-lãnh văn-thân chống cự quân Pháp lúc đô hộ mới xây-dựng trên đất Trung, Bắc. Chắc ai cũng nhớ đoạn

sử năm 1884, Nam-triều thất thế, phải nhìn-nhận quyền Pháp bảo-hộ, ra lệnh giải tán quân-thứ và khuyên-nhủ quan-lại phục-lùng chính-sách mới. Sĩ-phu phản-khích sôi-nổi, nhiều ông nộp ấn từ quan, để về mộ binh đánh Pháp; đầu hết là ông Nguyễn thiện Thuật, tán tương quân-vu Sơn-tây. Văn-thân hường ứng rất đông. Ông Nguyễn văn Giáp đang làm bổ-chính tỉnh Sơn cũng bỏ quan về kéo cờ khởi nghĩa; quân-sư và phó-tướng đạo nghĩa-binh này tức là ông cử Phùng văn Nhuận.

Sau chủ-tướng Bồ Giáp qua đời, ông Phùng văn Nhuận lên thay quyền chỉ-huy, luôn mấy năm kháng chiến ở vùng giáp giới Sơn-tây, Hưng-hóa. Nhưng thế cùng lực tận, nghĩa-binh tan vỡ. ông thủ khoa Nhuận (cũng có người nói ông đồ thủ khoa) phải mai danh, ẩn tích, về miền Vĩnh-yên dạy học.

Trong lúc gõ đầu trẻ, ông vẫn bí-mật giao thiệp với các văn-thân phản-đối, mưu sự khởi binh lần nữa.

Người Pháp nghe tiếng, cố sức ép-buộc phải ra làm tri-huyện, độ hơn một năm, ông kiếm cơ bỏ về, theo đuổi chí cũ.

Một người bạn ông, muốn được thăng chức án-sát, bèn tố-giác hành-dộng của ông. Vì thế ông bị bắt và đưa về giữa làng Văn-cốc xử chém. Lúc chết, ông ung-dung dặn lại con-cái mai sau phải giết giặc trả thù cho cha.

*Đời là thế, ấy đời là thế,
Hồn có thiêng cũng hé miệng cười.
Những quân dạ thú mặt người,
Quá ham danh-lợi, đạo trời kẻ chi !*

*Lại gặp lúc nước suy thế ngặt,
Lũ « rước voi » ra mặt tung-hoành.
Thì nhau bán nước cầu vinh,
Còn đâu nghĩ tới chút tình keo sơn.*

Đó là mấy câu trong bài văn của sĩ-phu tỉnh Sơn cảm-khái về việc ông thủ-khoa Nhuận ngộ hại.

Ông chết, nhà-cửa bị tịch thu, vợ con phải phiêu-bạt.

Chi-khi cách-mạng dĩ truyền trong mạch máu. Cả Thấu và Hai Vịnh lớn lên, đi theo Đê Thám, mong cứu nạn nước đề báo thù nhà. Sau khi Đê Thám thất bại bị giết, hai anh em họ Phùng còn ra sức thu góp tàn lực kháng chiến một hồi rồi mới bị bắt. Người Pháp kết án khổ sai đầy lên Thái-nguyên.

Bình-nhật ông Đội Cấn vẫn ôm lòng ái-mộ những chính-trị-phạm ở bên đề-lao, thường tìm cách thuận tiện để thông tin và tặng hảo thuốc men quả bánh. Nhất là nghe rõ ông Lập Nham có khí-tiết và có học-thức quán-sự giỏi, ông Đội Cấn càng đầy lòng khuy nh lộ. Vì thế hai người vẫn trao đổi thanh khí với nhau.

Nhưng sau, thật nhờ có cô em của hai chiến-sĩ họ Phùng làm nội ứng, tin-tức trao đổi chẳng những mau-lẹ và có hằng ngày, mà cuộc khởi nghĩa cũng được sớm thực hiện, theo như kế-hoach ông Lập Nham đã định. Có như là người phát ngôn của tất cả anh em chính-trị-phạm ở đề lao, khuy nh-khích thúc-giục ông Đội Cấn mau mau thực-hành đại sự.

Lúc ấy cô mới ngoài 20 tuổi, vẻ người xinh-xắn

có duyên, nhất là ăn nói lanh-lợi, dễ cảm. Hình như cô đã có chồng ở nhà quê, nhưng có người nói chưa cưới, cô vẫn ở với lão mẫu, một mẹ, một con, nương-tựa lẫn nhau. Từ lúc hai anh em bị phát vãng Thái-nguyên, thường năm vài lần bà thủ-khoa sai cô lên thăm-nom cấp dưỡng hai anh.

Má hồng của người thôn nữ Sơn-tây dần dà lọt vào mắt xanh thầy đội họ Trịnh.

Thấy thế, Cả Thấu và Hai Vịnh liêu nghi ra kể thỏa hiệp, nói thật cho cô biết đại sự đang mưu tính giữa các đồng-chi ở đề-lao và bên trại lính. Rồi đem nghĩa lớn thù nhà nạn nước ra thuyết cô em, yêu-cầu cô nên hy-sinh giúp-dỡ cho đại sự được chóng thành. Nghĩa là yêu-cầu cô thuận lấy Đội Cấn, để làm người giao thông giữa ông ta với anh em chính-trị-phạm trong đề lao, như thế mới được kin-đáo chắc chắn. Đồng thời, cô khéo tìm cách lựa lời khích-lệ giục-dã chồng làm sao cho việc khởi nghĩa thực-hiện càng sớm càng hay; kéo dề dây-dura lâu ngày không khỏi tai vách mạch rừng, hỏng mất công việc.

Hai tráng-sĩ biết rõ em gái mình cũng là hạng người có tâm-huyết, hiểu đại nghĩa, cho nên mới ngộ hết bí-mật và yêu-cầu cô em một việc khó-khẩn như thế.

Cô suy-nghĩ rồi trả lời ngay một cách cả quyết, vui vẻ :

— Quả như hy-sinh mà có lợi-ích chút nào cho việc nước thù nhà, em đây chẳng dám tiếc thân !

Một lát, cô lại tiếp :

— Nhưng ở nhà chúng ta còn mẹ già, từ khi

vắng mặt hai anh, chỉ có một mình em sớm thăm tối viếng. Em cần phải xếp-dặt chỗ ấy cho yên-ôn đã, trước khi vắng theo lời dạy của hai anh.

— Cô nghĩ rất phải ! Cả Thấu nói và giục em. Vậy thì cô về ngay nhà đi ! Anh chắc thế nào mẹ già cũng khuyến-khích chúng ta, chứ không cản trở.

Tức thời, cô lên đường về Sơn thu-xếp việc nhà và hỏi ý-kiến bà thủ-khoa Nhuận. Bà nghe nói đến đâu, nét mặt tỏ vui-sương đến đấy như đã tới lúc cho bà được cất một gánh nặng trong tinh-thần vậy. Bà nói :

— Ai cũng có nghĩa-vu phải hy-sinh với tổ quốc, còn phải bởi gì nữa ! Huống chi còn việc thù nhà, mấy lời của cha con dặn lại trước lúc chém... Các con xét là việc có thể làm, thời-cơ đáng làm, thì cứ việc làm đi !... Mẹ cầu trời khẩn Phật cho.

— Nhưng anh em chúng con chỉ băn-khoăn về chỗ quân-thù sẽ giận cá chém thớt, để mẹ già phải liên-lụy, thật không đành lòng ! Cô vừa nói vừa khóc. Và lại bây giờ con lên Thái-nguyên, mẹ ở nhà thui-thủi một mình.

— Chết nỗi ! Sao con ông thủ-khoa Văn-cốc lại yêu bóng vía thế ư?... Ở đời chỉ những lo quanh sợ quẩn thì còn làm nên trò-trống gì?... Mẹ đã có cách tự thoát, các con không phải lo nghĩ !

Cách tự thoát của bà là cách nghĩa-liệt như bực mẹ các dũng-sĩ Chuyên Chư, Nhiếp Chính đời xưa: tự hủy mình trước đi, để cho con yên tâm làm việc, khỏi phải lo-nghĩ cửa-nhà.

Thật thế, ngay đêm hôm ấy, bà lẳng lặng thất cô tự tận, để khuyến-khích các con làm việc cách

mạng ; giờ các con bà chỉ có việc đi thẳng tới, không còn phải bận-bịu ngoảnh lại phía sau nữa.

Cô chôn cất mẹ già rồi lên thẳng Thái-nguyên, trở nên người vợ yêu-dấu mong mỏi của thầy đội khố xanh họ Trịnh.

Liên đây cô xoay-xuở bao thầu cơm tù cơm lính, cho được mỗi ngày hay lần ra vào để-lao, đem những thư-từ tin-tức của các chính-trị-phạm — nhất là của ông Lập Nham mà ông đội Cấn vẫn kính-mến và thường hỏi ý-kiến mỗi khi gặp việc khó-khăn — khích-lệ ông đội Cấn đã ôm-ấp chí lớn, thì nên mau mau cử sự đi, kéo lũ cơ-hội.

Cô là người có tâm cơ, lại biết chữ ít nhiều, cho nên đội Cấn càng tin-yêu, không ngăn-ngại phủ thác mọi việc bí-mật.

Mỗi ngày cô lại đem những truyện xa tình gần, thù nhà nợ nước tỷ-tê khuyến-lơn thúc-giục chống, hết sức thiết-tha khẩn-khoán. Hơn nữa cô lại khéo làm cho cổ kết tẩm lòng cộng-sự của đội Giả, cai Xuyên là bạn đồng tâm mưu đồ khởi nghĩa với Đội Cấn.

Mùa hạ năm đinh-ty (1917), hai lần đội Cấn đã toan cử sự, nhưng giờ chót lại ra lệnh hoãn ; rồi đến đêm hôm 13 tháng 7, lá cờ cách-mệnh treo cao trên thành Thái-nguyên, cô em gai cả Thấu và hai Vịnh là một vai chủ động gián-tiếp vậy.

Cụ nghề Tập-xuyên Ngô đức Kế hồi đó còn ở Côn-lôn, được gặp những người thất bại Thái-nguyên bị đẩy ra đảo, kể truyện trông-tận, nhân thế cụ viết thành tập « THÁI - NGUYÊN THẤT

NHẬT QUANG PHỤC KÝ » gọi người đàn-bà hy-sinh ấy là hiệp-nữ.

Chỉ tiếc không có ai biết rõ cái đời của hiệp-nữ kết-cuộc ra sao. Có người nói sau khi Quang-phục-quân bại trận phải bỏ tỉnh thành Thái-nguyên rút vào rừng núi, hiệp-nữ đi theo sát cánh Đại-dô-dốc họ Trịnh, rồi bỏ mình ở trận Tam-đảo, khoảng cuối tháng tám ta, cả hai người anh cũng chết ở trên ấy.

Quán Pháp đi đánh giặc, cũng nhìn-nhận mấy lúc đâu có cả đàn-bà ở trong tàn binh Đội Cấn, có phải chính là hiệp-nữ đấy chăng ?

THÁI-NGUYÊN KHỞI NGHĨA

Nằm vào khoảng giữa trung-châu và thượng-du, núi non trùng điệp, bình-thể hiểm-yếu, tiện đường giao thông với Tàu, tỉnh Thái-nguyên vốn là đất thuận lợi nhiều bề cho những người anh hùng dựng võ. Cho nên ở đây từ xưa, thường thấy binh đao chiến-sự kế tiếp diễn ra luôn luôn. Khi thì chống cuộc ngoại xâm, khi thì làm ở nội chiến.

Có thể nói từ những hồi lịch-sử ta mới bắt đầu, rồi trải qua thời-đại Bắc-thuộc nghìn năm, cho đến thời-đại tự-chủ Đinh, Lý, Trần, Lê, dễ thường không có mấy lần kịch chiến-tranh quan-hệ mà không lấy Thái-nguyên làm sân-khấu. Lý thường Kiệt đánh phá quân Tống; Nùng trí Cao xưng hùng non xanh, nhà Trần hai phen cự giặc Hồ-Nguyên; Lê thái Tổ đuổi Vương Thông, Trương Phụ; hai họ Trịnh, Mạc huyết chiến; Tây-sơn theo giết quân Mãn Thanh; ấy là những trận ngoại-xâm nội-chiến to nhất trong lịch-sử, nhiều màn trọng-yếu đã diễn ở trên mặt đất Thái-nguyên.

Đến khoảng cận-đại, cũng trên đất hiểm ấy. Nông Văn Vân khởi binh chống cự Nguyễn-triều ;

bọn giặc khách Ngô Côn, Hoàng sùng Anh tràn sang nương-náu quấy-nhiều ; rồi tới quân Pháp cùng quân Tàu giso chiến nhiều trận để tranh lấy chủ-quyền miền Bắc.

Sau khi thực-dân Pháp lấy võ-lực đặt xong cuộc đo-hộ ở đây, ta hãy kể một thời-gian từ 1885 đến 1913, những người khi-khái trưng-phu, ghét thù Pháp-tặc : Đề Huỳnh, sau Đề Thám kế tiếp nổi lên, dựa thế núi rừng hiểm-trở ở Thái-nguyên mà chống cự dằng-dai, không lúc nào ngớt. Nhất là Đề Thám, ngớt hai chục năm, khi trá hàng lúc quyết đấu, dù binh-lực khi-giới đều kém-thua, cũng cứ tiếp-tục kháng chiến quanh vùng mấy tỉnh Bắc-giang, Thái-nguyên, Phúc-yên, làm cho bên địch vất-vả tốn-kém vô số. Người Pháp du mãi không xong, đánh mãi không được, đến nỗi phải dùng lối tiêu-nhân là thuê mấy tên giặc khách trà trộn vào làm thủ-hạ Đề Thám, thừa cơ giết chết ông ta trong khi đang ngủ. Mà rồi khoản tiền thuê mấy chủ khách, bọn thực-dân võ tron không trả, người ta đòi-hỏi thì chúng trở mặt, trục xuất cảnh ngoại.

Kể đó mấy năm, Thái-nguyên lại nổi thanh danh như cuộc khởi nghĩa của hai người anh-hùng Lập Nham và Đội Cấn. Cho tới kỳ chiến-tranh này, Việt Minh lập chiến-khu chống-cự Pháp Nhật cũng ở đây.

Nhà thơ Tỳ Viên nói đúng thật : phàm chỗ non xanh cảnh lạ xưa nay, dù muốn nhân thân cũng không thể nhân được ; thân nó chẳng bị các ông danh-sĩ thi-gia đề ra ngâm vịnh ca tụng, thì lại

có người anh-hùng dựa nó làm sào-huyệt, làm căn-cứ, thi-thổ những việc phi thường. Giang-sơn Thái-nguyên, tức là thứ giang-sơn không mấy lúc được nhân đó.

Sáng sớm hôm 13 tháng 7 năm đinh-tỵ, tức ngày 30 tháng 8 dương lịch 1917, dân-cư hàng phố Thái-nguyên thức dậy đã thấy tỉnh-thành đổi lạ quang-cảnh. Ngoài phố, từng tiểu-đội lính ta hồng súng đi đi lại lại có vẻ hơn-hở. Cảnh tay đeo băng năm chữ nho « THÁI NGUYÊN QUANG PHỤC QUÂN ». Nhìn lên cột cờ trại lính thấy lá cờ Ngũ Tinh pháp-phối ngạo - nghệ trước gió. Các ngã đường dán tờ bố-cáo đứng tên Đại-dô-đốc Trịnh Cấn, báo cho dân-chúng biết rằng binh-lính cách-mạng ta đã khởi nghĩa đánh đuổi thực-dân, khôi-phục tỉnh-thành.

Bấy giờ mọi người mới hiểu ra lúc nửa đêm có những tiếng súng nổ, tiếng kèn thổi, tiếng reo hò rầm-rĩ ở phía trại lính khố xanh về đê-lao, ấy là cuộc khởi nghĩa của lính ta mà người cầm đầu tức là Đội Cấn, do sự khích-lệ bí-mật của Ba Quyến, một nhà cách-mạng có tiếng, đã tốt-nghiệp võ-bi Nhật-bản, người Pháp bắt giam trong ngục bản-linh hơn một năm nay.

Đội Cấn, tên thật là Trịnh Văn Đạt, người làng Yên-nhiên, phủ Vĩnh-tường, vốn nhà làm ruộng, thuở nhỏ chỉ được học chữ nho ít lâu, rồi phải ở nhà làm lụng đồng-áng, giúp-đỡ cha mẹ

Năm ngoài 20 tuổi, đi ứng mộ lính khố xanh, mới đổi tên là Cấn. Vào khoảng 1909 hay 1910, lên

đồng ở Thái-nguyên, lập công-lao trận-mạc nhiều, không mấy chốc được thăng đội-trưởng.

Tinh người hào-hiệp, hiếu nghĩa, có lòng yêu nước âm-thầm, thích nghe kể truyện cần-vương của các cụ ngày trước. Những lúc Đề Thám tràn qua địa-phận Thái-nguyên Căn thường sung vào đội quân đi tiêu, tuy phải bắn thì bắn nhưng trong lòng vẫn hâm-mộ Đề Thám, nhìn-nhận hành-vi của ông này là đáng kính-phục. Có lần, Căn với một bạn đồng ngũ đã suýt đánh nhau vì truyện Đề Thám ; Căn gán cổ cũi Đề Thám là người ái quốc, chứ không phải giặc cướp như thực-dân văn gia tiếng cho ông ta.

Từ năm 1913, tin Thái-nguyên, ở dưới quyền thực-dân cai-trị roi vọt của công sứ Darles là tên đứng đầu tử hung, linh-tráng và tù-phạm đi làm cỏ vè, thường bị đánh đập tàn-nhẫn ; đánh tới máu thịt tơi bời, không kể sống chết. Đội Căn thấy thế, lấy làm bất bình, chẳng những oán-ghét một mình Darles, lại cứu hậu chung cả chính-sách áp-chế của thực-dân, có hôm nói riêng với Đội Giá, bạn thân :

— Chủ trách những ông đang nằm bên đê-lao kia họ làm cách-mạng !

Mầm chống thực-dân tiếm-lòng trong óc Đội Căn từ đó, chỉ còn đợi các nhà cách-mạng bên đê-lao ra công tài bồi là được nảy-nở.

Đê-lao Thái-nguyên lúc bấy giờ, ngoài ông Lương ngọc Quyến, có Ba Chi, Cả Thấu, Hai Vọng, Nguyễn gia Cầu, ông tú Hồi Xuân, Ba Nho, Ba Quốc v.v . . tất cả hơn mười người trong tù quốc sự, người thì can vào vụ ném bom năm 1913, người thì là bộ tướng của Đề Thám.

Như trên đã nói, Đội Căn có lòng kính-mến những người đã vì việc nước mà bị tù-tội, cho nên thường tìm cách giao thông tin-tức và giúp-đỡ họ, bởi vậy mấy người tù rệp vẫn được ra ngoài làm việc, hoặc là ban lính canh-gác đê-lao. Nhất là đối với ông Lập Nham càng tỏ lòng quý-trọng tin phục vì Căn hiểu rõ cả gia-thế, học-thức của ông, định sẵn trong trí rằng một mai khởi nghĩa tất phải nhờ ông chỉ bảo về mặt ngoại-giao và quân-sự.

Chính ông cũng biết Căn là người hữu tâm với tổ-quốc, cho nên ra sức khích-lệ, hứa đem hết tài năng ra giúp một khi cử đồ việc lớn. Ông dụng tâm tru-hoạch ngay từ khi mới lên Thái-nguyên được mấy tháng, bí-mật thông tin cho gia-nhân và đồng-chí ở ngoài gửi bạc trăm vào luôn luôn, dùng để cứu-mạng anh em trong đê-lao, mua-chuộc nhân-tình của đám lính canh-gác, phòng có một ngày kia mưu toan đại sự phải cần đến họ. Vì thế, trong việc giao-thiệp giữa ông và đội Căn, ai nấy đều tận tâm hiệu lực với ông, đóng vai trung-gian, giữ-gìn kín-đáo ; tai mắt thực-dân đặt khắp nơi mà chẳng hay biết gì cả.

Hai người trao-đổi ý-kiến nhất trí rồi, cuộc khởi nghĩa đáng lẽ thực-hiện từ hồi tháng hai ta, nhưng lại xét ra có nhiều điều bất tiện, cho nên phải trì-hoãn đến mãi nửa đêm hôm 13 rạng ngày 14 tháng bảy. Nghĩa là trước ngày dưới âm-ty đại xá vong nhân, — gồm có anh-linh những người đã tử tiết vì nước bấy lâu, — trên dương-gian, một nhóm

nghĩa-sĩ mạnh-bạo đứng lên phất cờ giải phóng dân-tộc

Buổi chiều hôm ấy, Đội Cận họp ba người bạn thề nguyện đồng-tâm là đội Giá, đội-trưởng và đội Xuyên, cùng nhau mật định cơ mưu, phân phát công việc, chỉ còn đợi giờ hành-dộng.

Khoảng một giờ đêm, đội Trưởng vâng mệnh đi bắt viên giám binh Noel và quân Lập. Cố-nhiên Noel và quân Lập kháng cự, đội Trưởng bắn chết cả hai, cắt lấy thủ-cấp làm vật tế cờ.

Từ thời đội Cận thổi kèn gọi tất cả lính trong bản-trại ra đứng xếp hàng trước sân, đưa hai thủ-cấp ra hiệu lệnh và lấy đại nghĩa « giết thù cứu nước » hiệu-dụ anh em.

Lính trong trại có 175 người, độ ba chục người leo tường chạy trốn, hơn mười tên tỏ vẻ chống-cự bị bắn tại chỗ ; còn lại 131 người nhiệt-liệt hoan-hô cách-mạng

Cùng trong lúc ấy, Đội Giá chạy sang đê-lao, đã có lính ta nội ứng, bắn chết viên thủ-ngục người Pháp xong rồi, chặt xiềng mở khóa cho các tù chính trị, đầu tiên là ông Lập Nham ; Đội Giá sai mấy người lính hộ-vệ ông sang ngay trại lính khổ xanh nơi đội Cận đang chờ đợi. Một người lính phải cõng ông trên lưng, vì ta đã biết ông bị cùm ác-nghiệt lâu ngày, một chun què liệt, không tự cử-dộng được.

Đội Giá lại mở tung cửa ngục cho những tù khác cũng ra, độ ngót 200 người. Tiếng reo hò mừng rỡ vang động đê-lao. Họ được dẫn về cả trại lính, để chọn người khỏe-mạnh thì phát binh phục

khí-giới cho làm chiến-sĩ, sung vào quân-đội Quang-Phục

Tây dầm trong tỉnh nghe động, vội-vã kéo nhau vào đồn lính ăn-nấp. Đồn này chỉ có 40 lính Pháp và hai khẩu súng liên-thình, cho nên không dám rục-rịch.

Đội Cận mở hội-đồng quân-sự ngay lúc bấy giờ ; toàn thể đồng-chí bầu ông làm chức Thái-nguyên Quang Phục Quân Đại-đô-đốc, phụ-trách nhất thiết việc quân ; ông Lập Nham thì làm quân-sư, chỉ ngồi một nơi bàn-soạn chiến-lược, định đoạt binh cơ, chứ không xông-pha trận-mạc được như mọi người.

Theo ông đề-nghị, Quang-phục-quân lấy cờ năm sao làm hiệu cờ cách-mạng. Sáng sớm, tờ tuyên ngôn thứ nhất, dán khắp tỉnh-thành, hiệu-dụ cho dân trong tỉnh được rõ mục-dịch lính ta khởi nghĩa và khuyên ai nấy an cư lạc nghiệp. Kể đến hôm sau, tờ tuyên ngôn thứ nhì, hiệu-triệu cả đồng bào quốc dân, nên thừa lúc này người Pháp đang nguy-khốn ở Âu-châu mà vùng-dậy đả đảo đô-hộ, lấy lại độc-lập tự do. Các ngài sẽ thấy bản dịch hai tờ tuyên ngôn này ở đoạn sau.

Cứ theo điều-tra của công-sứ Darles thì tờ tuyên ngôn thứ nhất do các đồng-chí khởi nghĩa họp nhau thảo ngay lúc đêm, có ông Lập Nham nhuận sắc ; còn tờ thứ hai thì một tay ông viết.

May đời cho tên đầu đảng tứ hung đi Đờ-son vắng mà được khỏi chết đêm hôm ấy, vì anh em cách-mạng đã bàn-định từ mấy hôm trước, sẽ lấy đầu tên thực-dân tàn-bạo ấy tế cờ khởi nghĩa.

Tăng sáng hôm sau, phần lớn tỉnh-ly Thái-nguyên đã về tay nghĩa-binh chiếm lĩnh. Cờ Ngũ Tinh treo trên nóc trận; ngoài cổng trắng ngang tấm vải đề bốn chữ to « NAM BÌNH PHỤC QUỐC » Từng tiểu-đội nghĩa-binh chia nhau canh gác các công sở, tuần-phòng hàng phố và đường-sá giao thông. Bởi vậy, dân-cư hàng phố sáng sớm thức dậy đã thấy non sông trở về bà con ta làm chủ. Có điều khá tiếc là nghĩa-binh đến nhà bưu-diện hơi trễ, thành ra viên chủ-sự đã kịp đánh giầy thép cáo cấp về Hà-nội trước khi đường thông-tin bị cắt đứt.

Tỉnh ra nghĩa-binh lấy được trong kho bạc tất cả 71.000 \$. Trừ số khí-giới trong trại lính có sẵn, nghĩa-binh lấy thêm được 167 khẩu súng trường 1 khẩu súng lục, 15 thanh gươm và 62.125 viên đạn, nghĩa là đủ số khí-giới cần dùng phân phát cho hai đội quân mới tổ-chức, gồm những tù-phạm khỏe-mạnh vừa thả trong đê-lao ra và một số thường dân vừa mới ứng-mộ. Nhưng đến khi phải giao chiến, duy có đám lính nhà nghề cùng mấy người tù chính-trị đã có kinh-nghiệm chiến trận, là dám đương đầu kịch chiến, khiến lính Pháp phải kiêng-dè, còn lính mới mộ thì bỏ chạy tứ tán hoặc phải ra hàng ngay trong mấy trận giao phong đầu tiên.

Nghĩa-binh làm chủ tỉnh-ly Thái-nguyên từ đêm hôm 30 tháng 8 dương-lịch cho đến trưa mồng năm tháng 9, trước sau 7 ngày.

Từ hôm mồng hai trở đi, ngày nào quân địch cũng tấn công dữ-đội. Nghĩa-binh đào hào, đắp lũy, ứng chiến rất hăng. Những đường giao-thông với tỉnh-ly, ta đều mai phục khôn-khéo, cố chặn quân

giặc tràn vào. Thò toàn giặc nào mao-hiêm vào tỉnh, đều bị đón rước bằng những loạt súng bắn rất trúng đích, chết gục hai bên lề đường.

Hai ngày đầu, Pháp bị tổn-hại khá nặng; trận nào cũng bị nghĩa-binh đánh hất ra, không thể đặt chân vào trong tỉnh.

Nhưng chúng quyết lấy lại tỉnh-thành, đem hơn 500 lính đủ các súng liên-thính, đại bác, khởi từ chiều hôm mồng 4, đồng thời hai mặt tấn công, bắn vào trận tuyến của nghĩa-binh dữ-đội.

Nghĩa-binh chống lại cực kỳ anh-dũng, nhưng vì quả bất địch chúng, vừa kém khí-giới, vừa không có tiếp viện thành ra mới một, nung thối. Hàng ngũ cách-mạng chỉ có độ 300 chiến-sĩ, giao chiến với giặc đã mấy đêm ngày vất vả, giờ phải chống-cự ngót nghìn quân địch thừa-thối khí-giới và tập-luyện đã quen, ta dưới sức thua trận không phải sự lạ.

Đến trưa mồng 5, ông Đội Cận liệu thế không giữ nổi, truyền lệnh cho quân-sĩ bỏ tỉnh-thành lục tục rút đi.

HAI BÀI HỊCH CỦA CÁCH-MẠNG-QUÂN

Từ hồi nửa đêm bắt đầu khởi nghĩa, qua ngày hôm sau, Thái-nguyên cách-mạng-quân công bố hai bản tuyên-ngôn có tính-cách như hai bài hịch-văn kể tội-trạng Pháp thực-dân và kêu gọi đồng-bào ủng hộ cách-mạng.

Theo lời những người có dự vào cuộc khởi nghĩa lúc bấy giờ — và sau người Pháp điều-tra cũng thế — bản tuyên-ngôn thứ nhất phát biểu vào hồi nửa đêm, nghĩa là lúc Thái-nguyên Quang Phục Quân tuyên-bố thành lập. Người khởi thảo hình như ông tú Hồi-xuân, ông Ba Quyến nhận sắc lại, từ trong đề-lao hôm trước? Bản tuyên-ngôn thứ nhì, sáng hôm sau công bố; công sứ Darles bảo là tác-phẩm riêng của ông Ba Quyến. Song có thuyết nói cũng là một bạn chính-trị-phạm trong khám đã phụ-trách thảo ra, chứ không phải là ông Ba Quyến, vì sau lúc khởi nghĩa, công-việc chăm chú của ông là lo nghĩ kế-hoạch tác chiến, không có thì giờ bụng dạ nào viết văn.

Chúng tôi thiết nghĩ phải vì sự thật mà ghi lấy cả hai thuyết như vậy, đợi sau có dịp chất chính.

Hai bản tuyên-ngôn cùng đứng tên Đại-dô-đốc Trịnh Căn và có lẽ nguyên-văn đều viết bằng quốc ngữ, cốt để cho tất cả đồng bào dễ xem, nay chỉ còn bản dịch ra chữ Pháp mà chúng tôi dịch lại sau đây.

Sau cuộc đảo chính mồng 9 tháng 3, chúng tôi đã nhờ người tìm lấy nguyên-văn ở trong kho văn-thư của chính-phủ đô-hộ, nhưng cũng không thấy. Có lẽ lâu ngày lẫn-lộn đầu mắt, hay là đã bị tiêu-hủy đi rồi.

Có người biết rõ mỗi bản tuyên-ngôn lúc ấy Quang-phục-quân có dịch ra Hán-văn, sai chép nhiều bản để gửi đi các tỉnh, cốt hiệu-triệu sĩ-phu. Không biết có ai giữ được bản ấy, tức là một tài-liệu quý-hóa để góp vào Việt-nam cách-mạng sử

I

TUYÊN NGÔN THỨ NHẤT, PHÁT HỒI NỬA ĐÊM, LÚC MỚI KHỞI NGHĨA

*Đại Hưng đế - quốc năm
thứ nhất, tháng 7, ngày 14*

Thái-nguyên-tỉnh, Quang-phục-quân
Đại-dô-đốc Trịnh, bố-cáo cho dân-
chúng đồng bào được biết :

Nước Việt-nam nhà ngày nay gồm trong cõi Đông-dương, nguyên xưa là đất Trưng-quận (?). Dân-tộc ta vốn dòng dõi rồng tiên. Ruộng đất ta phi-nhiều, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh tú. Kể từ Hồng Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các

triều-dại Kinh-dương-vương, Đinh tiên Hoàng, Lê đại Hành, Lý, Trần, Hậu Lê rồi đến bản-triều Nguyễn-thị, mỗi đời kế tiếp mở-mang bờ cõi thêm to, diêm-tô non sông thêm đẹp. Phải biết tổ-tiên ta đã tốn bao nhiêu thông-minh, bày-tỏ biết bao nhiêu nghị-lực, hy-sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây-dựng lên được giang-sơn gấm vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế-kỷ thứ XIX vừa rồi, Pháp-tặc ở Âu-châu, giả lấy danh-nghĩa thông thương truyền giáo cướp mất hương-hỏa quý-hóa của ta.

Thừa cơ lúc đó triều-đình ta còn mài-miệt trau-dồi lối học khoa-cử từ-chương, không lo gì võ-bị, chùng giở ngay thủ-đoạn bạo-ngược xâm-lãng nước ta. Thoạt tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam-kỳ, rồi sau dần dần sinh truyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người có nhiệt tâm yêu nước, phá-hủy đền-dài thành-quách ta, bóc lột tiền-tài sản-nghiệp ta.

Cũng may, ta còn có những bậc anh-hùng chí-sĩ những người danh-vọng tài-năng, biết đồng tâm hiệp lực, kháng-cự lũ giặc ngoại xâm. Binh-lực chẳng có mấy, khí-giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách-mạng tiên-phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm-yếu để làm căn-cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví-dụ như ông Hoàng Hoa Thám một thời oanh-liệt ở Nhã-nam, hay ông Phan Đình Phùng mười năm kháng chiến ở Hà-tĩnh, ấy là chứng-cớ hiển-nhiên.

Có điều, các vị dân-tộc ấy có chỗ thủ hiểm vững-vàng mà không gặp được thời-cơ may-mắn ; đến nỗi ngoại viện là thứ rất cần dùng thiết-yếu mà

cũng không có. Thành ra khi-giới thiếu-thốn, lực-lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu-diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh-dũng của các cụ tiền-bối, không thấy người nào có đủ tài-lực nổi chí làm theo.

Ngoài những hạng người lỗi-lạc hy-sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em què mùa, chất phác, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực-dân không còn trở-lực gì phải kiên-kỷ nữa, tha hồ hoành-hành bạo-ngược, thôi thì phá-hoại ngay những luật lệ tự chúng đặt ra ; áp-dụng những thói bán quan buôn chức ; tìm đủ cách làm cho nòi-giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt chủng ; kết án cực nặng ; hành-vi tội bực dã man ; luôn luôn nói truyện hứa hẹn khi trả. Lại còn tàn-nhân đến nỗi khai quật cả lăng-lâm một vị tiên-đế bản triều (1) để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng-đế ta, đưa di an tri ở một hoang đảo thật xa (2)

(1) Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự-đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều vàng bạc châu báu. Muốn trốn trách nhiệm, Mahet làm giấy bảo các cụ thượng bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn hữu Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô đình Khả không chịu ký tên vào giấy của triều-đình xin bỗ vua Thành-thái. Nhân đấy ở kinh-đô có câu phong dao « Bỗ vua không Khả, đào mả không Bài » (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài)

(2) Vua Thành-thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cơ nhà vua rối loạn thần-kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc-kỳ làm thuộc-địa.

Vua Duy-tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại.

Cả hai cha con cũng bị đày sang cù-lao Reunion gần Phi-châu

Kể từ khi hạ thành Hà-nội tới giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm-xía gì đến dân tâm dư-luận.

Thuế-má thì mỗi ngày một tăng lên mãi, bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt-nam, như phải tròng cổ vào sợi giây, càng ngày càng xiết chặt thêm; mười nhà hết ohin làm vào cảnh khốn-cùng ghê-gớm.

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính-sách đỏ-hộ, liền bị tố-giác với quân thù, làm cho sở-nguyện phải bị dè-nên chôn vùi tức tốc.

Chao ôi! Mỗi khi tưởng-nhớ cơ-nghiệp tổ tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây-dựng nên, mỗi khi nghĩ đến tình-cảnh nước nhà bấy lâu gian-truân khốn-khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhân-nhục đã tới cực điểm, tắc lòng bi thống giang-sơn chủng-tộc sôi nổi như nung như đốt.

Kẻ thù ta hiện đang bị công-kích ở Âu-châu; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn; chúng bóc-lột tài-sản xứ sở mình để tiếp tế quân-nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội-nghiệp người sống phải trần lực ra lam-lụng vất-vã, người chết cũng chẳng được chôn cất tử-tế. Thương-hại con cô vợ góa ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình-cảnh nước nhà đau-khổ không thể tưởng-tượng. Những nỗi đau đớn kể sao cho xiết. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điều-đứng đến nông-nổi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khỗ-sở kiệt-quệ, sống giờ chết giờ, cảnh-ngộ có khác gì một sợi chỉ mong-manh sắp đứt; chịu-đựng đau-đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt trên giường bệnh, hấp-hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phấn-dấu để khôi-phục độc lập cho tổ-quốc, nếu bất hạnh mà mục-dịch không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục-nhân, khốn-khổ.

Bản chức, Thái-nguyên Quang-Phục quân Đại đô-đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lãng nỗi khổ của đồng-bào dân chúng; ngay những khi còn sống lam-lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn-khoăn tức-tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc; nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận-tiện cho được thực hành chí nguyện. Vì thế ta đành ăn nhẩn ra đi lính tập; hơn mười năm trường được sống chung chạ với bao nhiều anh em cường-tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thính, nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài-bão cừu thù Pháp-tặc, chờ hề biển tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ, ngoại viện chưa có, theo như ý ta mong mỏi, cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách chơ vơ tháo thừ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù; bên ngoài thì có những nhà cách-mệnh ta bấy lâu trú-ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân-nhu khi-gởi

về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp-tặc.

Ta chiêu-tập những anh em có tinh-thần tự do độc-lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc, và hôm nay ta bắt đầu khởi phục lấy tinh Thái-nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp-phới trên kỳ đài, ta đã tuyên-bố Thái-nguyên độc-lập.

Cùng là con dân nước Việt-nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông-minh, học-thức, có thể đến đây vì ta trừ mưu hoạch sách, làm những việc ích-lợi chung. ai là người có sức khỏe-mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuổi gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi-thố tài-năng sáng-kiến trong cuộc tranh đấu tự-do độc-lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn man tâm nô-lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha!

Nay bố cáo,
(Ký tên và đóng dấu son)

II

TUYÊN NGÔN THỜ NHÌ, SÁNG HỒM LẤY XONG
TINH-THÀNH, CÔNG BỐ ĐỘC LẬP

Đại-Hùng đế quốc năm
thứ nhất tháng 7 ngày 14

Thái-nguyên tinh Quang-Phục
quân Đại đơ-độc Trịnh . . . bố cáo
đồng-bào Việt-nam được biết :

Than ôi ! Trời giáng tai-họa, nước Nam nghèo-nàn. Trận gió xâm-lược từ Tây phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế-hệ ta bị lời cuốn tiêu-diệt bởi nó.

Kể có năm-chục năm nay, cơ đồ hương hỏa chúng ta trơ-trụi giống như một bãi sa mạc ; những tinh-hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô-lệ bi-thảm ; bốn mươi triệu anh chị em đồng bào khóc-than rên-rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng ; tình-cảnh tổ-quốc đồng-bào khiến cho những chiến-sĩ ái quốc phải động lòng xót-xa.

Bao nhiêu nỗi khổ-sở bấy lâu Trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đấng Hoàng-thiên bắt chúng ta phải chịu đau-đớn để thử tinh-thần khí-tiết chúng ta. nay ngày rũ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung-sướng thịnh-vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài-năng lỗi lạc đã hấp-thụ ánh sáng ở các nước văn-minh ngoại dương giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến thành ; trong nước thì có những người nhiệt tâm học-thức, đem ra áp-dụng vào việc báo thù cứu quốc.

Năm mậu-thân chúng ta đã giết quân thù ở,

giữa Hà-nội (1) làm cho chúng kinh hồn hoảng vía

Năm kỷ-dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng-son (2) khiến lòng phẫn-uất của người mình được hả-hơi ít nhiều.

Ngoài ra, phong trào Đông-kinh nghĩa thực (3) đã khích thích tinh-thần ái quốc một độ rất sôi-nổi; tỉnh Quảng-nam nổi lên phản kháng sưu thuế (4); một người học-sinh mạo hiểm ném bom giữa thành phố Hà-nội (5); trong Nam-kỳ, Xích Long kéo cờ

(1) Việc đầu độc ở trại lính tây Hà-nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách-mạng hợp với Đề Thám định đánh úp lấy Hà-nội cô-động được một số lính tập chịu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính tây, rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tiến công. Nhưng việc không thành, vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít nhiều lính tây trúng độc chết.

(2) Năm 1909, một số Đông-du học-sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nổi lên ở Lạng-son, giết Tây chết nhiều.

(3) Các cụ Lương văn Can, Nguyễn Quyền, Đào nguyên Phổ, Phan tuần Phong, Lê Đại, Dương bá Trạc v. v. . . lập trường Đông-kinh nghĩa-thực bề ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bề trong chính là công cuộc cách-mạng kháng thực-dân. Lúc ấy là năm 1907.

(4) Năm 1908, dân tỉnh Quảng-nam khởi lên phong trào kháng cự sưu-thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biểu tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy tràn lan tới các tỉnh Bình-định, Thừa-thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy võ-lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phẫn lạ lùng.

(5) Năm 1913, Nguyễn khắc Cần ném bom vào nhà hàng Hà-nội-Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chapuis và Montgrand.

xương nghĩa, chống-cự kẻ thù (1). Tóm lại, chúng ta vì văn-minh vì chủ quyền của tổ-quốc ra sức phấn-đấu hơn mười năm nay, tinh-thần ái quốc càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực cứu quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn Độc-lập của quốc-dân tỉnh ngộ phấn phát.

Hiện thời cả Âu-châu đang rối-ren lục-đục, tàn sát lẫn nhau. Pháp đương nguy-khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giằng hoà riêng, thế là Pháp cô lập, mất hai tay tả hữu hữu bất trọng-yếu. Thổ với Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chỉ mạng; thành Ba-lê không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.

Bản-thân Pháp đã bị nguy-ngập đến thế, làm sao còn khoe-khoang bảo-hộ chúng ta được không biết?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế, thừa lấy cơ hội hiểm-hoi thiên tai nhất thì này mà báo thù tuyết hận, khôi phục giang-son.

Nay phụng mệnh hoàng-đế, ta tổ-chức quân-đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Ta đã liên kết với Trung-quốc; võ-quan với quân-sĩ ta từng chịu

(1) Lúc bắc đầu Âu-chiến 1914 — 1918, một nhóm ái quốc ở Nam-phầu, phần nhiều là người có chân trong hội bí-mật Tiên Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan xích Long làm Minh-chủ, để hiệu-triệu dân-chúng cho dễ, vì Xích Long là người tu hành nổi tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong-trào Kỳ Đông và Thiên Bình ở Bắc, năm 1897.

huấn-luyện binh-học tân thời ở các trường võ-bí Trung-quốc và Nhật-bản, ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh-nghiệm quân-sự, phen này cùng hăm-hở đem tài học và tính-mạng về, sẵn-sàng hy-sinh cho tổ-quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi-cơ ở ngoài đem về ta sẽ đánh quân thù những trận đòn sấm sét ; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.

Quân-đội cách-mạng ta có nghĩa-vụ với dân với nước, quyết không sách-nhiều và không tơ hào xâm-phạm đến tài-sản của dân ; bất cứ trong lúc hành binh hai khi đồn trú nơi nào, Quang-phục quân chỉ có một việc là thu-phục bợ cõi của tổ tiên, giết trừ quân giặc bạch-chủng, để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc-lập tự do, an cư lạc nghiệp

Hỡi đồng bào ! Ta phải cùng nhau gắng công ra sức phe này hầu làm cho trọn sự-nghiệp vĩ-đại, là cờ Ngũ Tinh được phấp-phới về vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ-quốc.

Hỡi đồng bào ! Một Quốc-gia tân tạo, vững bền thiên thu vạn tuế, bắt đầu xây-dựng từ ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách-nhiệm tháo ách nô-lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố cáo,
(Ký tên và đóng dấu son)

ANH-HÙNG MẠT LỘ

Những người linh dự cuộc Thái-nguyên khởi nghĩa, về sau bốn ba thất trận, bị án đày ra Côn-Lôn năm sau (1918), được các anh em tiên-bối trên hải đảo sẵn đón hỏi truyện suốt mấy đêm ngày. Các cụ cho việc Quang-phục Thái-nguyên 7 ngày là một việc thống khoái mà họ lại chính là người trong cuộc.

Cụ nghề Ngô Đức Kế thuật lại rằng họ vừa kể truyện vừa thồn-thức, nhớ lại bảy ngày độc-lập tự do đã hưởng, nhớ lại cái kết cuộc bi-tráng của các đồng-chí Lập Nham, Đội Cấn, và tất cả anh em đã cùng nhau phiêu lưu chuyển chiến với giặc trong mấy tháng trời, khi ở đồng bằng, lúc giữa non xanh rừng rậm.

Họ nói Đội Cấn vẫn ôm chí lớn, nhưng sự thật có Lập Nham khích-tích mới quyết định khởi nghĩa ; đến lúc khởi nghĩa rồi, Đội Cấn họp ngay các bạn đồng-chí phụ-trách để bàn-định phương-lược tiến hành bây giờ nên như thế nào ?

Có hai chủ-trương. Một phái chủ-chương nên thừa lúc bên địch chưa kịp hay biết đề-phòng gi

cả, ta chia binh đi đánh lấy ít nhiều đồn-ải phụ cận, như Cao-băng — Lạng-sơn lấy đường giao thông với các đồng-chí bên Tàu và mở rộng phạm-vi, tăng thêm lực-lượng cách-mạng. Anh em binh-linh các nơi ấy theo Tây chỉ vì thế bách mà thôi, nay thấy ta đến, tất nhiên cũng được hưởng ứng. Cốt sao có nhiều địa-diểm đồng thời khởi nghĩa như ta, để làm thanh-viện cho nhau và chia sức đối phó của quân địch ra nhiều nơi. Có tự gây nên một lúc kháng chiến cho mạnh thì dân-chúng mới giúp, ngoại viện mới có và đại sự mới thành.

Phái thứ hai phân đối, chủ-trương cần phải giữ Thái-nguyên làm gốc, đào hào, đắp lũy, hễ chúng đến xâm-phạm thì ta đánh. Có vài ba trăm quân-linh thế này, làm sao nhất thời chia đi đánh lấy đồn-ải phụ cận mà chắc được thành công như ý?

Hai phái chống nhau kịch-liệt. Đội Cận theo ý ông Lập Nham ngã theo thuyết thứ hai và ra lệnh cho quân cố thủ.

Đến trưa hôm mồng năm tháng 9 dương-lịch, tỉnh-thành thập phần nguy cấp. Quang-phục quân được lệnh bỏ tỉnh-thành lục tục ra đi. Đội Cận đã xếp-dặt võng sàng sãn-sàng, để đưa ông đi theo quân. Ông khảng-khái từ-chối, không muốn đi theo quân để anh em chiến-sĩ phải bận lòng vì mình, nên chậm-trễ trên đường bạt thiệp bốn ba, mỗi bước có giặc theo sau, mỗi bước phải quay lại cự địch. Ông quyết định chết ở Thái-nguyên, lấy hồn tiên-đưa các chiến-sĩ. Sau mấy câu vãn-tất yên-ủy mọi người, ông nói với Đội Cận, thành thực và tự-nhiên:

— Ông bắn hộ một phát vào giữa ngực cho tôi khỏi trông thấy thực-dân dày-xéo lên là cớ cách-mạng!

Bất đắc dĩ, Đội Cận phải làm theo ý muốn ấy. Một tiếng súng nổ. Bộ đội Quang-Phục quân sau chót do Đội Cận chỉ-huy đứng xếp hàng làm lễ chào di-thể vị anh-hùng như đối với một vị tướng tử-trận; xong, đào hố chôn lấp tử-tế và san phẳng mặt đất, rồi mời từ-giã tỉnh-thành kéo đi.

Thật là một đời hy-sinh với cách-mạng; sống tận-tụy chết, bi-tráng.

Ông cử Dương bá Trạc có bài thơ khóc ban Lập Nham như sau này, nhiều người còn truyền tụng:

*Đoạn tuyệt gia-đình với núi sông,
Phát cớ Đông-học trầy tiên-phong,
Lục quân Nhật-bản tinh thao-luyện,
Chiến địa Trung-hoa thỏa vẫy-vùng.
Bắc-hải vẫn ghi lời thoại biệt,
Long-xuyên bao xiết truyện trùng phùng.
Thái-nguyên độc lập năm ngày trọn (1),
Cho biết tay đây cọp sỏ lông.*

Giờ ta đi theo Đội Cận và tàn quân Thái-nguyên, cho biết cuộc khởi-nghĩa do ông Lập Nham tinh-thần chủ xướng đi đến chỗ tiêu-diệt ra thế nào?

Sự thật, nghĩa-binh đã rút lần đi từ đêm hôm

(1) Cuộc khởi-nghĩa Thái nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng tám dương-lịch, quân cách-mạng chiếm giữ tỉnh-thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng chín mới rút lui; tỉnh ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn.

trước ; đến 3 giờ chiều 5 tháng 9, thì Đội Cận và bộ đội sau chốt ra khỏi tỉnh-thành, chạy về ngã Hùng-sơn.

Quân Pháp thừa thắng đuổi theo bèn gót.

Từ đây trở đi, nghĩa-binh cứ phải vừa đánh vừa chạy, hết sức gian-nan lao-khổ. Khi thì hợp nhất tạm thì, khi thì tản-máe ra hai ba toán nhỏ, mỗi toán đi một đường, không liên-lạc cứu ứng được nhau. Bất cứ một toán nghĩa-binh nương-náu chỗ nào, liền có quân địch đến vây bọc đánh phá chỗ ấy. Thành ra ngày đêm phải ứng chiến luôn tay, chỉ những hồi-hợp lo chạy, không mấy lúc được yên-ngỉ. Mỗi bước chân có giặc dính theo,

Binh-số và đạn-được mỗi ngày một giảm ít đi.

Nhờ có số tiền lớn đã lấy được ở kho bạc, cho nên bây giờ bốn ba, vấn-đề lương-thực không phải lo mấy. Đêm đến đóng quân ở làng nào, phàm mua đồ ăn thức dùng của dân, nghĩa-binh đều trả tiền sòng phẳng rộng rãi.

Đại-khái là từ ngày 13 tháng 9 cho tới mồng một tháng mười dương-lịch, nghĩa-binh quanh quất ở miền Vĩnh-Phúc yên, có toán đi tách ra, tràn về đến Hưng-yên, Bắc-ninh và có khi gần đến Hà-nội.

Chủ ý ông Đội Cận muốn đem thủ-hạ tìm đường qua Sơn-tây lên Hòa-bình, lấy rừng núi thủ hiểm, chống nhau với quân Pháp ; nhưng họ chen hết đường-lối không để cho nghĩa-binh thực hành được chiến-lược thủ hiểm theo như ý muốn. Có hôm, ông với thủ-hạ đóng ở một làng ở chân núi Tam-đào, thiếu chút nữa tất cả thầy trò cùng nguy, sau nhờ ai nấy cùng liều chết đánh giã vậy mới

được thoát hiểm, lại đánh quân địch nhiều trận tổn-hại nặng nề ; chính họ tự nhận như thế.

Từ mồng một tháng mười dương-lịch cho đến 20 tháng giêng năm 1918, nghĩa-binh trở về sơn-phạm Thái-nguyên ; quân địch theo dõi ráo riết. Đới bên nhiều phen kịch chiến, có lẽ to nhất là trận đánh nhau ở Đèo-nửa giữa hôm mồng 6 tháng giêng.

Trận ấy, nghĩa-binh đào chiến-hào và nắp những bụi rậm trên cao bắn xuống rất trúng đích, giết hại quân giặc khá nhiều. Một viên tướng địch là đại-ủy Salel đứng trên chòm đồi lân-cận, hô gọi nghĩa-binh đầu hàng sẽ được nhà nước khoan dung xá tội cho. Nghĩa-binh trả lời bằng đạn và nhiệt-măng tương địch thậm tệ.

Tuy-nhiên, mỗi trận giao chiến, dù thắng hay bại, nghĩa-binh cũng phải hao hụt thêm một số người, một số đạn-được, mà hao-hụt bao nhiêu tức là mất đức bấy nhiêu, không lấy đâu bù-đắp vào được.

Hôm mới ở tỉnh-thành Thái-nguyên ra đi, nghĩa-binh có tới ngót 300 người, thanh thế khá to. Nhưng rồi giữa đường giao chiến liên tiếp, chết lần chết mòn, phần nào kiệt lực ra hàng, phần nào thất bại bị bắt, đến ngày 20 tháng chạp tây, nghĩa là ba tháng rưỡi sau, trở về đóng tại Pháo-sơn, chung quanh Đới Cận chỉ còn vẹn- vẹn 25 tay súng.

Quân Pháp vây bọc Pháo-sơn. Đồng thời, đưa bà mẹ già cùng vợ con Cận ở quê quán Vĩnh-yên đến, ni-non vào khốc dưới chân núi, một hai khuyên-nhủ Cận đầu hàng Bảo-hộ. Không thèm trả lời, Cận hô thủ-hạ nhắm vào quân thù mà bắn như

mura, tỏ mình không để cho giặc đánh được mình bằng trận tinh-cảm.

Trái lại, Đội Trường lại không có tinh-thần cương quyết như thế. Va được gặp mặt vợ trong rừng hôm nay, ngày mai lên xuống núi vác súng ra thú. Các ngài hẳn nhớ đội Trường là một trong ba viên phó-tướng của Cấn

Qua ngày hôm sau, quân địch tấn công dữ dội. Hai bên đánh nhau rất hăng.

Trận này Cấn trúng đạn trọng thương ở đùi, nhưng vẫn nhìn đầu cầm quân đánh giặc, mai phục trên núi, cản-trở quân địch không sao lên núi được.

Trong lúc cầm-cự ở Pháo-sơn, Cấn có ý muốn tìm một hiểm địa ở vùng Yên-thế có thể cố thủ lâu ngày, như Đê Thám lúc nọ, để lấy chỗ dưỡng tinh sức nhuệ, rồi tìm cách tái khởi. Ông sai hai viên bộ tướng tin-cần là Đội Giá và Cai Xuyên dẫn một tốp thủ-hạ lên đi xem xét địa-thế, định rằng hai người tìm ra chỗ hiểm ấy rồi, bấy giờ Cấn sẽ phá vây Pháo-sơn mà đi

Song cả Xuyên lẫn Giá vừa xuống khỏi chân núi thì hành-tung bại-lộ; quân địch theo dõi đêm ngày, khiến hai người phiêu bạt không tới được Yên-thế mà cũng không thể trở về Pháo-sơn

Đến ngày mồng 5 tháng giêng (1918) Cấn chỉ còn có 4 thủ-hạ bên mình là Ba Nho, tù quốc-sự, hai người lính và tên Sỹ, một người thường dân đi theo nghĩa-binh từ đầu.

Vừa tuyệt vọng vừa đau-như ở chỗ bị đạn, Cấn biết đại sự hỏng rồi, không còn cách gì gượng-gao cứu-chữa được nữa, mà nếu để quân giặc bắt được thì mang nhục; ông bèn quyết ý tự-sát, dặn

dò mấy người kia chôn lấp thi-thể mình rồi, nên xuống núi đầu hàng quân địch.

Tức thời ông quay súng tự bắn vào bụng mà chết.

Sau khi ông chết, Ba Nho và hai người lính khóc thảm-thiết cùng tự-vẫn bên cạnh chủ-tướng mà họ tiếc-thương vô cùng.

Tên Sỹ đào lỗ, chôn cả bốn người một huyệt, luôn với các thứ khí-giới vật-dụng của họ rồi đi ra thú. Hẳn nói với Pháp rằng chính hắn đã giết Cấn để báo thù cho anh vì Cấn đã truyền lệnh bắn anh hẳn là xã Đoàn, làng Hoàng-xá hạ.

Pháp xét ra Sỹ nói láo để mong lập công lĩnh thưởng. Thật sự Cấn đã tuyệt vọng, tự sát, cho khỏi phải cái nhục người Pháp bắt sống.

Cấn chết rồi còn dư đảng là Đội Giá, Cai Xuyên và một ít tàn quân, gượng-gạo cầm-cự đến tháng ba cũng bị tiêu-diệt. Thế là hết Thái-nguyên Quang Phục quân.

Người được gần-gũi quen biết, đều nói Cấn nhã-nhận giản-dị, không ưa chương hoàng bề-ngoài. Những lúc các phó-tướng như Đội Trường, Cai Xuyên, được ông phong chức đại-tá, đại-úy, mặc, ngay nhưng phục đeo gươm cưỡi ngựa đi quanh hàng phố, trông rất oai-nghiêm; còn quan Đại-đô đốc Quang-Phục quân chỉ mặc bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ da, tay chống can, giao-tiếp với mọi người luôn luôn niềm-nở. Trong quân gọi ông là «quan chánh» khi chiến trận bên ba cũng giữ luôn y-phục xềnh-xoàng, cử-chỉ giản-liện như thế.

Đến can-dảm và binh-tĩnh thì ai cũng phải

phục. Mỗi khi ra trận xông-pha trước hàng tướng-sĩ, dù đạn bay vi-vút từ phía cũng vẫn ngang nhiên đứng thẳng mình, mắt chiếu ống nhóm, miệng ra hiệu-lệnh, xem sự nguy-hiểm như không vậy.

Bất cứ đóng quân ở làng xóm nào, việc ông cần lo trước hết là sai đào chiến-hào tìm chỗ hiểm-yếu để phòng chống-cự quân địch tới đánh bất thình-linh; xong rồi mới nghĩ đến sự ăn uống. Ông chỉ tiền, bảo dân làng mổ lợn thối cớm cho bộ-hạ ăn uống xong xả; tự ý họ muốn đi báo hay không cũng được, vì nghĩa-bình đến trú ngụ làng nào mà người sở tại không đi trình-báo, về sau phát-giác, quân Pháp làm phiền nhiễu đủ thứ. Muốn cho dân làng khỏi hệ-lụy và không trách được nghĩa-bình, ông để cho họ tùy tiện.

Đến lúc bị vây trên Pháo-sơn, sự thế đã rõ ràng thất bại và tuyệt vọng, ông giục mấy người bộ-hạ bắn hộ mấy phát cho xong đời, nhưng họ thương xót không nổ, tức khắc ông kháng-khái tự sát, không chịu để kẻ thù bắt sống được mình đem về kết án làm nhục.

Người ta nói Nguyễn thái Học sau này tức là con đẻ tinh-thần của ông Đội Cận. Đời cách-mạng của Học thực-hiện bởi lòng hâm-mộ Đội Cận mà vụ Yên-bái chịu vang bóng của vụ Thái-nguyên rất nhiều. Chính Học kể chuyện mình lúc nhỏ, cùng một vài bạn trẻ đi chơi, thường sang bên làng ông Đội Cận cho được nghe những dật-sự của ông, lấy thế làm thích. Bà lão-mẫu của nhà khởi nghĩa Thái-nguyên ôm lấy mấy cậu bé, khóc lóc và nói:

— Các cậu hãy lo trả thù cho con già!

Học nói trong tâm mình thấy nôn-nao và nầy ra tư-tưởng cứu quốc từ đây (1).

Năm 1930, tuy Học chưa trả thù hộ con bà lão-mẫu làng Yên-nhiên, nhưng đã theo gương ông Đội Cận mà diễn lại khởi-nghĩa Thái-nguyên vậy.



(1) Hãy đọc « Nguyễn Thái Học » do Nhượng Tống biên-soạn, Tân-Việt xuất-bản.

BA THIÊN VĂN-CHƯƠNG TUYỆT MỆNH CỦA NGƯỜI ANH-HÙNG

Sinh bình ông Lập Nham không thích lối học từ-chương, cho nên ít ngâm vịnh thơ-phú, chẳng để tâm-chí vào công-phu mài văn gọt chữ như bạn đồng thời.

Mặc dầu sinh vào một gia-tộc mà cha anh chú bác đều xuất thân khoa-cử và giữa thời-đại từ-chương khoa-cử vẫn đang thịnh-hành, ông chỉ theo đuổi cho đến khoảng 15, 17 tuổi, đi thi một khoa không trúng thi thôi. Lúc quãng lều chiếu ở trường Nam trở về, được đọc những tấu-thư bên Tàu mới truyền-bá sang, liền tỉnh ngộ lối học khoa-cử không có kết-quả gì khác hơn là giết chết dững khi tiến-thủ của tuổi xanh và thả trôi ngày giờ vào công-việc mài-giũa hư văn vô ích.

Không bao lâu ông xuất dương, nghiên-cứu binh-học ở Nhật-bản, rồi về Trung-hoa phục dịch trong quân-đội cách-mạng, ném trái đủ mùi bốn ba nguy-hiểm và sinh hưởng thú phong lưu; nếu thay

người khác vào cảnh-ngộ ấy, tất đã nguồn thơ-lai láng, ngâm vịnh chẳng còn thiếu gì. Nhất là một người đã có Hán-học cứng-cáp, từng chịu giáo-duc từ-chương trước khi ra ngoài thay đổi học-thuật.

Nhưng ông không thích ngâm vịnh, sau khi đã tỉnh ngộ từ chương là vô dụng và lập chí cầu học cứu quốc.

Một bạn đồng học với ông ở trường Chấn Võ kể lại cho nghe câu truyện kỷ-niệm lý-thú sau này:

— Hôm ấy được nghỉ học, tôi với ba anh Lương Lập Nham, Nguyễn Thái Bạt, và Lương Nghị Khanh dắt nhau đi bộ ra ngoài thành chơi, nhằm mùa hoa đào đua nở, phong-cảnh tuyệt đẹp, xúc cảnh sinh tình con người lữ-thứ không khỏi động lòng cổ hương; Thái Bạt bỗng động hồn thơ, xướng lên một câu thể nào đó, lâu ngày tôi quên mất, chỉ nhớ là anh gật-gù đọc câu mình xướng rồi day mặt lại bảo:

— « Lập Nham nổi đi ! » Anh này lắc đầu chối từ rằng mình đã quên hết lẽ lối làm thơ. Chúng tôi nghĩ anh tự khiêm hay là có ý kiêu-ngạo; mọi người thúc-giục anh nổi văn cho vui. Anh nghiêm sắc mặt nói: — « Vì bằng ngâm thơ mà đuổi được thực-dân, cứu lại nước nhà, thì tôi đã làm mãi chả phiền các anh phải bảo ! » Lời nói nghe khảng-khái bi-thương, khiến chúng tôi lạnh toát cả người, ngượng hần thi hứng, lúc ấy không ai dám nghĩ đến chuyện làm nổi bài thơ nữa.

Sự thật, trong khi còn học-tập quân-sự ông đã hết ngày giờ và trí-não cho sự học-vấn, thao-luyện, chỉ theo đuổi mục-dịch một ngày kia có thể cầm

binh chiến đấu với kẻ thù mà thôi, không có lúc nào nghĩ đến cái thú ngâm vịnh. Cho tới khi sang Tàu phục dịch, thì phải mỗi-miết về chức-vụ quân nhân, về việc thực-nghiệm binh-học để mai sau áp-dụng ở đất nhà đối với kẻ thù; có thể nói trí-não ông chỉ lo lắng có hai chuyện: binh-sự và cách-mạng.

Vì thế ông sinh binh không có thơ văn gì truyền tụng như nhiều nhà cách-mạng khác.

Mãi đến lúc bị bắt giam hết ngục nọ đến ngục kia, bị cùm-xích tàn-nhân đến phát điên, lại cầm chắc phen này bọn thực-dân Pháp tất xử mình vào cực hình, lúc bấy giờ ngồi trong xà-lim, ông mới thấy thức động hồn thơ, cảm-thương thân thể, mà làm ra mấy thiên tuyệt mệnh sau đây:

Một bài là câu liên tự điệu, tỏ mình Đông-du cầu học đầu tiên, luôn mười năm ở hải ngoại gắng gỏi kiên-cường, chỉ cốt rèn-tập nên người như hạng Nguyễn Trãi, Đặng Trần Thường, để sau này ra tay nâng-dỡ tổ-quốc, bây giờ chẳng may bị giặc bắt được giết chết, thì hồn thiêng cũng sẽ âm phù mặc trợ cho các đồng-chi làm việc Lý Bí, Lê Lợi, cứu-vớt non sông kỳ được mới thôi. Ta thấy trong câu văn của tác-giả có cái đặc sắc là chỉ dùng điển-cổ nhân-vật ở trong lịch sử nước nhà:

* Học hải trước tiên chiến, thập niên dư
 學海著先戰十年餘
 nghị lực tiến hành nghĩ dục Trãi, Thường
 毅力行進擬育焉常
 phủ tổ quốc
 扶祖國

Hoàng thiên thiên sức mệnh, cứu tuyền hạ lệnh
 黃天偏命九泉下靈
 hồn phi sang trùng để Bi, Lợi điện tống bang
 魂玉爽重提貢利其宗邦

Dịch nghĩa:

Bề học vượt đầu tiên, hơn mười năm chỉ lớn
 không sờn, muốn dục Trãi, Thường phủ nước tổ
 Trời xanh xui mệnh vẫn, dưới chín suối hồn
 thiêng còn đó lại làm Bi, Lợi, cứu non sông.

Đến bài thơ đại ý cũng thế, tác-giả nói phen này mình chết, tất được gặp ông vua Lam-sơn, — tức Lê Lợi — quyết xin ngài trở dậy chém giết thực-dân, cứu hộ nước Nam cũng như ngày xưa ngài đã giết trừ giặc Minh vậy. Câu thứ năm than-thở dòi nay không có ban sáng-suốt tử-tế, có lẽ ngụ ý cảm-khái về sự hành-vi bất lương của người bạn đồng-chi đồng học với mình khi mới Đông-du tức là Nguyễn Tiêu Đầu sau về hàng thực-dân Pháp lại chỉ đường về lối cho thực-dân bắt mình để dòi lấy công-danh phủ quý Cũng có lẽ là ám-chỉ vào tên Thu làm ở Lãnh-sự quán Pháp tại Hương-cảng.

Bài thơ như sau này:

Học hải cầm thư lịch kỷ thu
 Nam quan hồi thủ tứ du du
 Bách niên Tô-quốc quy hồ lỗ
 Thất sách tán khu phó bích lưu
 Tư thể bất phùng minh thánh hữu
 Lai sinh thả báo phụ-huynh cứu
 Thử hành hoạch yết Lam-sơn để
 Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu

Dịch nghĩa

Bề học xông pha trải bấy lâu
 Thân tù ngoạn lại nghĩ mà đau
 Trăm năm đất tở về quân mọi
 Bấy trước thân tàn mặc nước sâu
 Bạn tốt đời nay sao vắng cả
 Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu
 Hồn ta được gặp Lam-sơn để
 Quyết mượn oai-linh chém Pháp đầu

Câu đối và bài thơ trên, ông đọc miệng cho một vị đường-huynh nghe, khi ông này vào thăm trong ngục.

Còn bài thơ Lục-bát gián thất dưới đây là bức thơ vĩnh-quyết từ trong ngục-thất Hanoi gửi ra cho phu-nhân.

Đạo phu phụ cương thường thiên cổ.
 Tình thế-nó ái mộ bách niên (1).
 Đêm thanh nhớ đến bạn hiền,
 Đường xa gửi bức văn tiên tự tình (2).
 Kể từ lúc Hải-ninh gặp gỡ (3).
 Mỗi tờ hồng đẹp lựa đôi ta
 Hương-giang khi bước chân ra.
 Cầm thơ một gánh thất gia một đoàn.
 Khi Thượng-hải chấn loạn gối phượng,
 Lúc Hàng-châu vịnh trúc ngâm mai.
 Đề huê mấy chút con giai,
 Nhấp men Ngô-lĩnh, đưa chài Châu-giang.
 Nhớ gia hương bước sang Lục tỉnh.
 Vượt nghìn non định tỉnh gia thân (4).
 Biết bao trọng nghĩa thâm ân,
 Trai tài gái nết tần tần đẹp duyên.
 Bấy nhiều năm liền yên tịnh phượng (5).

Ngoài nghìn dặm hiệp ước hoà chung (6)
 Giang-sơn trọn một chữ tông.
 Những mong Hồng-nữ, Vệ-công sánh tày (7).
 Cờ Ngũ-tinh kéo về Phục quốc (8).
 Kiệu tán trang sẽ rước ninh gia (9).
 Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Non sông mở mắt, mẹ cha thỏa lòng.
 Than vận nước còn trong hội bĩ.
 Lúc tình cờ phút bị gian nguy.
 Làm cho Nam, Bắc phân kỳ,
 Xa xôi luống những tương ti âm-thầm.
 Ngày sáu khắc ruột tâm vẫn-vit,
 Đêm năm canh hồn điệp ngàn-ngờ.
 Đoái thương năm đất Cần-thơ (10)
 Dầu dầu cổ biếc, lờ mờ rêu xanh
 Gió ào ào Nam-vinh thung cổ (11).
 Sương mù mù Hànội huyền già.
 Xiết bao nổi nước tình nhà.
 Hỏi nàng giúp-đỡ cho ta thế nào ?
 Ơn phụ-mẫu thiên cao địa hậu,
 Mưu tử-tôn dụ hậu quang tiên (12)
 Khuyến nàng lập chí cho kiên.
 Hiểu thân giáo tử báo-đền cho anh.
 Lòng người đã trung-thành sốt-sắng.
 Giới xanh kia ắt chẳng phụ mình.
 Mai sau bĩ cực thái hanh (13)
 Kéo cờ Độc-lập giữa thành Thăng long.
 Ba mươi triệu Lạc Long tôn tử,
 Bốn nghìn năm lịch-sử quang vinh.
 Giới Nam rục-rỡ văn-minh,
 Sơn hà rửa sạch hối-tanh giặc Hồ.
 Cửa Nghĩa-môn bầy đồ khánh trúc (14)
 Đường Ôn-như hát khúc thăng bình.

Rõ ràng phu quý phụ vinh,
 Tiếng thơ n muôn nước, phúc thanh một nhà.
 Nợ trung-hiếu nay đã đền đì,
 Chi tang-bồng chẳng phụ làm trai.
 Khi nên trời cũng chiều người,
 Nàng ơi ! hãy nhớ lấy lời tình chung.

Chú-giải

- 1.— *thê nỏ* : cũng như thê-tử, nghĩa là vợ con.
- 2.— *vân tiên* : tờ mây. Đời nhà Đường chế ra thứ giấy vẽ mây, gọi là Vân-lam-chỉ, để viết thư từ. Nhân đấy người sau gọi bóng thư-từ là tờ mây.
- 3.— *Hải-ninh* : thuộc về Mộng-cây, giáp Đông-hương nước Tàu. Phu-nhân đi sang Tàu gặp ông Lập Nham về đón ở đó.
- 4.— *Định tinh* : Sớm thăm tối viếng. Kinh Lễ dạy : « Đạo người làm con, chiều hôm thì Định, sáng sớm thì Tinh. « Định là buổi tối phải lo quét giường, trải chiếu, dũ chăn, buồng màn, để cha mẹ yên-ngủ; Tinh là sáng sớm hỏi thăm cha mẹ đêm qua có yên giấc không ?
- 5.— *Liên uyên tinh phượng* : Loài chim uyên-ương và phụng-hoàng, bao giờ con đực con cái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau. Bởi vậy người ta lấy uyên-ương và phụng-hoàng, để ví với cánh vợ chồng sum-vầy hòa-hảo, không lúc nào xa cách.
- 6.— *Hiệp-ước hòa chung* : Ý nói âm - nhạc hiệp vần hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa-hảo của đôi vợ chồng.
- 7.— *Hồng-nữ Vệ-công* : Sự-tích nàng Hồng Phất và Lý Tĩnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên-hạ đại loạn, Lý Tĩnh còn là một người học-

trò hàn-vi, có dịp đến ra mắt một nhà quyền-quý đương thời, Hồng Phất có mắt xanh, đón biết anh-hùng ở giữa trần-ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả-nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường Thái-tông đánh Đông, dẹp Bắc, dựng nghiệp thống nhất, được phong Vệ-Quốc công.

8.— *Cờ Ngũ tinh* : Có 5 ngôi sao. Ta xem đây có thể biết ông Lập Nham từ khi còn ở hải-ngoại đã cùng các bạn đồng-chí dự bị một chương-trình thực-hành cách-mạng, cả đến hiệu cờ cũng đã định sẵn. Đến năm 1917 ngọn cờ pháp-phối trên tỉnh thành Thái-nguyên bầy ngày về tay cách-mạng, tức là cờ Ngũ-tinh.

9.— *Ninh gia* : Về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay là ninh gia.

10.— *Nắm đất Cấn-thơ* : Cụ Cả Cường, thân-phụ của Lập Nham phu-nhân vì cách-mạng mà bị thực-dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cấn-thơ rồi Cụ qua đời ở đó.

11.— *Nam-vang Lung cổ* : Lúc này cụ Cử Nhị-khe, thân-phụ ông Lập Nham đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí tại Nam-vang kinh-dô nước Cao-mên.

12.— *Dự hậu quang tiên* : Gây-dựng người sau, rõ ràng đời trước ; ý nói dạy-dỗ con cháu cho nên người, rạng về tổ tiên.

13.— *Bi Cực thái hanh* : Hết lúc bĩ đến lúc thái

14.— *Cửa Nghĩa-môn* : Cổng nhà Lập Nham phu-nhân ở Động-trung — Thái-Bình, để hai chữ Nghĩa-môn tự đời Tở-phụ để lại.

15.— *Ôn Như* : Biệt-hiệu cụ Cử Nhị-khe.

MỤC LỤC

	Trang
I. — Người học sinh Đông-du thứ nhất	7
II. — Thực-nghiệm binh-học trên trận-địa nước Tàu	24
III. — Cuộc mặt hội ở Long-xuyên	32
IV. — Bị bắt ở Hương-cảng	44
V. — Một người hiệp-nữ	55
VI. — Thái-nguyên khởi nghĩa	67
VII. — Hai bài hịch của Cách-mạng quân	76
VIII. — Anh-hùng mặt lộ	87
IX. — Ba thiên văn-chương tuyệt mệnh của người anh-hùng	96
MỤC LỤC	104

NHÀ XUẤT-BẢN TÀN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc :
 Bùi Kỳ — Trần Trọng Kim — Phan Văn Hùm — Trần Trọng Mai — Thi Nham — Đào Trinh Nhất —

Lê Ngọc Trụ — Trúc Khê — Hà Như Chi — Phạm Trọng Nhân — Tôn Thất Lương — Nhượng Tống — Phạm Văn Diêu — Bửu Kế — Bùi Giáng — Phạm Hoàn Mĩ — Nguyễn Hóa — Bình Nguyễn Lộc v. v...

đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra làm nhiều loại

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử-lược* của Trần trọng Kim
(Nam Việt 150. — ngoài Nam Việt 160.)
2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỳ và Trần trọng Kim.
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)
3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỳ
(Giá 42đ — Ngoài Nam Việt 45đ)
4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 42 đ — Ngoài Nam Việt 45đ)
5. — *Dương Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)
6. — *Việt-nam Thi-Văn giảng-luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Quốc-học — Huế.

TẬP I

Từ khởi-thị đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những luận-đề về : Truyện cổ-tích — Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện Trinh Thử — Truyện Tré Cóc — Nguyễn Trãi — Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn Háng — Lê quý Đôn — Đoàn tị Diễm —

Ôn như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân
— Phạm Thái
(Đang trong các lớp *Đệ-ngũ* và *Đệ-tam* bậc *Trung-học*)
(In lần thứ ba — Giá N. V. 85đ Các nơi 90đ.)

TẬP II

- Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-dề về: Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến — và Trần tế Xương.
- (Đang trong các lớp *Đệ-tứ* và *Đệ-nhi* bậc *Trung-học*)
(In lần thứ hai N. V. 120 đ. các nơi 130 đ.)
7. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu — giáo-sư trường Quốc-học — Huế. Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh *Đệ-tứ* và *Đệ-nhi* bậc *Trung-học*
(Giá 50đ — Ngoài Nam Việt 55đ)
8. — *Hôn-học* (lớp *Đệ-tứ* *Trung-học*) của Phạm văn Lương và Phạm văn Thoại (giáo-sư trường Quốc-học — Huế)
(Giá N. V. 50đ. — Các nơi 55đ.)
9. — *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-thứ)* của Phạm Hoàn Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn
(Giá N. V. 35đ — Các nơi 37đ.)

Sách có bản :

Lịch-sử Việt-nam (Lớp *Đệ-lục*)

B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khảo
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)
2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích
(Đang in lần thứ hai)
3. — *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn thất Lương chú-thích
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)
4. — *Cung-oàn ngâm khúc* do cụ Tôn thất Lương chú-thích (lần thứ 1x)
(Giá Nam Việt 16đ. — Các nơi 17đ.)

5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu sửa đúng theo bản P. J B. Trương vĩnh Ký phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)
6. — *Truyện Trê Cóc* do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
7. — *Truyện Trinh Thử*
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
8. — *Lục-súc tranh công* do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 8đ. — Các nơi 9đ.)
9. — *Truyện Phan Trần* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
10. — *Nguyễn Cư Trinh với quyền Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phan văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Giá 20đ — Ngoài Nam Việt 22đ)
11. — *Hoa diều tranh năng* do cụ Bùi Kỳ hiệu-dính
(Giá N. V. 7đ. — Các nơi 8đ.)
12. — *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhực Thi do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
13. — *Ngự Tiều vấn đáp Y-thuật* của cụ ĐỖ CHIỀU (tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hàm hiệu-dính và chú-thích. — Nhượng Tống tặng bìa bỗ chú.
(Đang in lần thứ hai)
14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)
15. — *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham đính-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
16. — *Nữ Tử-Tài* và *Bản-nữ thân* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)
17. — *Gia-huân ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
18. — *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
19. — *Quan-Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

Sắp phát-hành

1. — *Chiêu hồn* hay là *Văn-lễ thập loại chúng sinh* của NGUYỄN DU do Bình nguyên Lộc và Nguyễn ngu-Í chú-thích
2. — *Tự tình khúc* của Cao bá Nhạ

C. — LOẠI SÁCH TÌM HIỂU

1. — *Một vài nhận-xét về LỤC VĂN TIÊN — CHINH-PHỤ NGÂM — QUAN-ÂM THỊ KÍNH.*
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)
2. — *Một vài nhận-xét về TRUYỆN THỦY KIỀU và PHAN TRẦN*
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)
3. — *Một vài nhận-xét về BÀ HUYỆN THANH-QUAN*
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)
4. — *Tìm hiểu TRIẾT-HỌC LUÂN-LÝ*
(Giá N. V. 23đ. — Các nơi 25đ.)

II. — TỬ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG »

1. — *Nguyễn Thái Học* do Nương Tống biên-soạn
(Giá N. V. 40đ. — Các nơi 42đ.)
2. — *Phan Chu Trinh* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)
3. — *Phan Văn Trĩ — Phụ: Học Lạc — Nhiều Tâm* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)
4. — *Huỳnh mẫn Đạt — Phụ: Thủ-khoa Nghĩa và Thu-khoa Huân* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 18đ. — Các nơi 19đ.)
5. — *Phan Bội Châu* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 52đ. — Các nơi 55đ.)
6. — *Nguyễn Đình Chiểu* do Nguyễn bá Thế biên-soạn
(Giá N. V. 48đ. — Các nơi 50đ.)

7. — *Phan Đình Phùng* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 67đ. — Các nơi 70đ.)

8. — *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 25đ. — Các nơi 27đ.)

Sắp có bán:

1. — *Trónj giông sóng Vj* (Trần Tế Xương)
2. — *Hàn Mạc Tử*
3. — *Nguyễn Khuyến*

III. — SÁCH GIÁO-KHOA bậc TIÊU-HỌC

1. — *Quan-sát* (lớp Ba) do Ty giáo-huấn tỉnh Gia-dịnh biên-soạn theo phương-pháp thính-thị
(Giá toàn-quốc 35đ.)
2. — *Sơ-học luân-lý* của Trần trọng Kim
(Giá N. V. 23đ. — Các nơi 26đ.)
3. — *Tiêu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần Trọng Kim — Bùi Kỳ, Nguyễn quang Oánh
(Giá N. V. 22đ. — Các nơi 24đ.)
4. — *Việt-sử*

Lớp Ba 18đ.
lớp Nhì 28đ.
lớp Nhất 15đ.

IV. — SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán

1. — *Thằng người gỗ* tức là quyển « Les aventures de Pinaocchio ». Bản dịch của Bửu Kế.
Được giải nhất cuộc thi tiêu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.
Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát: 36 hình màu 17 hình đen. Bìa in offset 5 màu.
(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

V. — SÁCH KHẢO-CỨU

Vương Dương Minh của Đào trinh Nhất
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)

2. — *Việt Sử giai-thoai* của Đào Trinh Nhất
(Đang in lần thứ hai)
3. — *Tinh-thần khoa-học* của Nguyễn văn Tài
(Giải thưởng Gia-long năm 1943)
(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)
4. — *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)
5. — *Phật-giáo thừa xtra và Phật-giáo ngày nay.*
của cụ Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)
6. — *Nho-giáo* (quyển thượng) của cụ Trần trọng Kim
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

Sắp có bán:

- Nho-giáo* (quyển hạ) của cụ Trần trọng Kim
Phật lục của cụ Trần trọng Kim

VI. — GIÓ BỐN PHƯƠNG

1. — *Trên đường giải-phóng* của nhà văn-hào Cao-ly
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
2. — *Mái Tây* (Tây Sương ký)
một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ
của Nhượng Tống
(Đang in lần thứ ba)

VII. — TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

1. — *Truyện-ký mạn lục* (toàn tập)
Tập truyện cổ Việt-nam mà cụ Vũ Khâm Lân đã
cho là một « Thiên cổ ký bút »
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô Văn Triệu
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)
2. — *Lam-son thực lục* (tức là truyện Lê Thái-tổ khởi
nghĩa ở Lam-son) do Nguyễn Trãi biên-soạn và chính
Lê Thái-tổ đề tựa.
(Giá N. V. 24đ. — Các nơi 26đ.)

LƯƠNG NGỌC QUYẾN
và cuộc khởi nghĩa
Thái-nguyên của Đào
trinh Nhất do nhà
TÂN VIỆT xuất-
bản và giữ bản quyền
in lần thứ nhất xong
ngày 15-6-1957 tại nhà
in riêng của nhà xuất-
bản giấy phép số 1490
T.X.B. của nhà T.T.
Nam - phần Việt - nam

Sẽ phát-hành vào đầu niên khóa 1957 — 1958
Quyển sách giáo-khoa giá-trị

BÌNH GIẢNG THI-VĂN HIỆN-ĐẠI

của BÙI GIẢNG

MỘT tập sách dày, bình-giảng rất công-phu về Thi-văn Việt-nam từ cuối Thế-kỷ XIX đến nay.

— Trích-giảng Thi-văn của hầu hết các ngôi bút lỗi lạc: Nguyễn Tuân, Khải Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tô Hoài, Nguyễn Hồng, Trần Tiêu, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Quách Tấn, Tản Đấ, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Nguyễn Bá Học, Nguyễn văn Vĩnh v. v. . .

— Phần luận - thuyết — Bài tập luận-thuyết.

— Văn-chương nước ngoài : Anh, Mỹ, Pháp Áo, Đức: Einstein, Schubert, Steinbeck, Stéfan Zweig, Oscar Wilde, Somerset Maugham, Francis Jammes, Gérard de Nerval, H. Balzac v. v. . .

— Một tập sách rất cần-thiết cho học-sinh Trung-học.

Nhà xuất-bản TÂN VIỆT

235, PHAN THANH GIẢN — SAIGON

Giấy phép xuất - bản
số 1330/T.X.B.
của nhà T.T. Nam-phần
V. N.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Giá { Nam Việt.. 25 \$ 00
 { Các nơi.... 27 \$ 00

Nhà Sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lò-Lội, SAIGON

Từ nhà kho Quán Ven Đường